3. Khái quát, Kết quả và Đánh giá

Điều tra thử lần 1, lần 2 và Điều tra tiền trạm

Trung tâm được cử đến phòng máy tính Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê để bảo dưỡng và hỗ trợ mạng cũng như phần mềm. Trung tâm Tin học Thống kê Hà Nội cũng liên kết với Trung tâm tin học Thống kê II Tp Hồ Chí Minh và Trung tâm tin học Thống kê III Đà Nẵng.

2.9.6 Tổng quát về Hệ thống máy tính của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

Hiện nay,Vụ có 17 máy tính kết nối với các máy chủ Tổng cục Thống kê dưới dạng máy khách. Các hệ điều hành sử dụng trong các máy khách này bao gồm 16 Widows XP và một Windows 98. Phần mềm ứng dụng chính trên các máy tính này là phần mềm trọn gói Microsoft Office. Cả FoxPro và Visual FoxPro đều được sử dụng để xử lý và phân tích điều tra hàng tháng. Một phần mềm trọn gói khác cũng được sử dụng như một công cụ phân tích thống kê như SPS.

Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng có một bộ phận quản lý máy tính độc lập. Ba nhân viên, một kỹ sư và hai lập trình viên được chỉ định là các nhân viên quản lý hệ thống máy tính. Chức năng chính của bộ phận này là xử lý và phân tích số liệu điều tra tháng hiện tại. Nhiệm vụ của họ là phân tích và công bố kết của số liệu thống kê hàng tháng do Cục Thống kê gửi và tải xuống các máy chủ FTP. Hiện nay, có một nhân viên được giao trách nhiệm xử lý số liệu điều tra hàng tháng. Trách nhiệm của nhân viên này là phát triển các chương trình có sử dụng FoxPro và phân tích các số liệu điều tra hàng tháng do các Cục Thống kê gửi về.

2.9.7 Hệ thống máy tính của Cục Thống kê/Phòng Thống kê

Hiện trạng hệ thống máy tính lắp đặt tại Cục Thống kê và Phòng Thống kê có sự khác biệt rất lớn giữa các địa bàn. Tương tự như thế, việc lắp đặt máy tính ở các Phòng Thống kê cũng phụ thuộc vào Cục Thống kê trực tiếp quản lý. Hai Cục Thống kê bao gồm Cục Thống kê Hà Nội và Cục Thống kê Tp Hồ Chí Minh đã kết nối mạng LAN với Tổng cục và có hệ thống tương tự như hệ thống máy tính của Tổng cục mặc dù quy mô và trình độ thấp hơn. Đồng thời, môi trường phần mềm bao gồm các hệ điều hành và phần mềm ứng dụng trọn gói cũng tương tự của Tổng cục. Trong số 64 Cục Thống kê, chỉ có một Cục Thống chưa kết nối mạng với Tổng cục. Tương tự như vậy, những Phòng Thống kê tại các khu vực nông thôn không có đầy đủ điều kiện để kết nối với Tổng cục. Môi trường máy tính ở các Phòng Thống kê cũng phụ thuộc vào Cục Thống kê trực tiếp quản lý. Ví dụ, Cục thống kê Tp Hồ Chí Minh quản lý 24 Phòng thống kê và hầu hết các Phòng thống kê đều được trang bị nhiều máy tính cá nhân. Cục Thống kê Hà Nội quản lý 14 Phòng Thống kê và tất cả các Phòng Thống kê đều được lắp đặt máy tính cá nhân và có thể kết nối với hệ thống máy tính của Cục Thống kê thông qua hình thức quay số.

Hiện nay, trên quy mô cả nước, tỷ lệ máy tính cá nhân lắp đặt tại các Phòng thống kê chỉ đạt 40%. Điều này được xem như một trở ngại lớn vì việc xây dựng các hệ thống thống kê phải đi kèm với việc lắp đặt máy tính và cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc của đất nước.

3. Khái quát, Kết quả và Đánh giá Điều tra thử lần 1, lần 2 và Điều tra tiền trạm

3.1 Khái quát thực hiện Điều tra thử

3.1.1 Nội dung và mục đích của Điều tra thử

Mục tiêu của việc thực hiện Điều tra thử là thẩm định lại "Kế hoạch sơ bộ cho Điều tra sản xuất công nghiệp thường xuyên" do Nhóm Nghiên cứu JICA xây dựng để đảm báo tính khả thi khi phương pháp này được Tổng cục Thống kê (TCTK) áp dụng chính thức. Điều tra thử lần 1 được tiến hành trong vòng 3 tháng trong năm đầu tiên của dự án Nghiên cứu và tương tự như vậy cho Điều tra thử 2. Dựa vào kết quả của các cuộc điều tra, việc áp dụng chính thức "Điều tra hàng tháng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu" (MSMIP) sẽ được áp dụng. Những vấn đề chính cần thẩm định bao gồm:

Những khác biệt cơ bản giữa Điều tra thử lần 1 và Điều tra thử lần 2 như sau:

Bảng 3-1 So sánh giữa Điều tra thử 1 và Điều tra thử 2

	Điều tra thử 1	Điều tra thử 2
Số các ngành điều tra	40	48
Số các sản phẩm điều tra	213	524
Đơn vị điều tra	Doanh nghiệp	Cơ sở kinh tế
Số đơn vị điều tra dự kiến (Số đơn vị điều tra thực tế)	500 (499)	2000 (1927)
Địa bàn điều tra	Ba địa bàn (Tp Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh)	9 địa bàn (Tp Hà Nội, Tỉnh Bắc Ninh, Tỉnh Vĩnh Phúc, Tp Hải Phòng, tỉnh Thanh Hoá, Tp Đà Nẵng, Tp Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương)
Chỉ tiêu điều tra	• Khối lượng sản xuất • Khối lượng xuất kho • Khối lượng tồn kho cuối kỳ • Doanh thu thuần • Tổng doanh thu thuần	• Khối lượng sản xuất • Khối lượng xuất kho • Khối lượng tiêu thụ nội bộ • Khối lượng tồn kho cuối kỳ • Trị giá hàng xuất kho • Khối lượng sản xuất dự tính tháng tiếp theo

3.1.2 Lựa chọn các đối tượng điều tra

Điều tra thử là cuộc điều tra cơ bản phục vụ cho việc tiến hành kế hoạch phát triển thống kê sản xuất thường xuyên ở Việt Nam. Một cuộc điều tra áp dụng trên toàn quốc sẽ không thể thực hiện được do những khó khăn về thời gian và ngân sách nên cuộc Điều tra thử được thiết kế để thực hiện với một số lượng các đối tượng điều tra và kỳ điều tra hạn chế nhằm thu thập được các thông tin hữu ích phục vụ việc thực hiện kế hoạch đề ra. Vì vậy, trong Điều tra thử lần 1, số lượng các đối tượng điều tra là 500 doanh nghiệp và Điều tra thử 2 là 2000 cơ sở kinh tế. Hai

điều tra hàng tháng và điều này khiến công việc của nhân viên này quá tải. Một ví dụ khác là tại Trung tâm Tin học Thống kê Hà Nội, có rất nhiều chuyên gia trong SQL Server nhưng lại không có kỹ sư Oracle.

2.10.2 Các vấn đề liên quan đến Hệ điều hành

(1) Điều hành phần mềm

Như đã trình bày ở trên, hệ thống phần cứng tại TCTK và các Cục TK được phát triển tốt và không có vấn đề gì lớn liên quan đến điều hành hệ thống. Cục thể, điều này là do Bộ phận mạng của TCTK và các chuyên viên hệ thống của các Cục TK (chủ yếu là do các Trung tâm Tin học cử xuống) đã xử lý điều hành phần cứng dưới sự hỗ trợ kỹ thuật của các nhà sản xuất và phân phối trong điều hành và bảo trì.

Vấn đề chính được chỉ ra là trong tương lai cần phải đào tạo các kỹ sư điều hành và bảo trì hệ thống phần cứng mà dự kiến ngày càng có nhiều vấn đề nảy sinh khi mở rộng mạng lưới.

(2) Điều hành phần mềm

Phần mềm sử dụng trong môi trường điều hành đơn nhất, chẳng hạn như Microsoft Office, đã hoạt động rất hiệu quả và không có vấn đề gì lớn. Mặt khác, các kỹ sư và các chuyên viên kỹ thuật cần được đào tạo để điều hành phần mềm cơ sở dữ liệu quan hệ (phần mềm chủ/trạm) như SQL server và Oracle vì những phần mềm này sẽ rất phổ biến trong tương lai. Đồng thời, nhu cầu phát triển phần mềm cơ sở dữ liệu quan hệ, đặc biệt là MySQL, sẽ lớn dần cùng với sự phát triển của phần mềm ứng dụng trong môi trường nguồn mở mà đứng đầu là Linux hiện đang trở thành nền tảng toàn cầu. Vì nguồn lực hiện nay của TCTK và các Cục Thống kê trong xử lý các yêu cầu phát triển nói trên chưa tốt nên cần cân nhắc tới vấn đề đào tạo trong khuôn khổ đào tạo nguồn nhân lực tại các Trung tâm Tin học Thống kê.

Trước khi lựa chọn ngành cho các cuộc điều tra thử, những ngành chính ở cấp toàn quốc được lựa chọn và xác định như những ngành quan trọng của Việt Nam. Những ngành này sẽ được xem như những ngành chủ chốt để tìm hiểu xu hướng công nghiệp của Việt Nam và thực hiện các phân tích sâu.

Bước thứ hai:

Sau khi đã xác định các ngành chính ở cấp toàn quốc, các ngành chính ở mỗi địa bàn điều tra sẽ được phân tích và lựa chọn. Việc tìm hiểu xu hướng công nghiệp tại cấp tỉnh thành cũng rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi sang thống kê sản xuất thường xuyên vì hiện nay xu hướng này đang được phân tích trong Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng.

Bước thứ ba:

Cuối cùng, các ngành trong điều tra thử được quyết định theo phương pháp lựa chọn các ngành chính tại cấp tỉnh kết hợp với các ngành chính cấp quốc gia.

Quy trình lựa chọn và các chỉ tiêu trong các cuộc Điều tra thử cũng sẽ được áp dụng Kế hoạch phát triển. Chi tiết quy trình được mô tả dưới đây.

(2) Lựa chọn các ngành công nghiệp chủ yếu (cấp quốc gia)

Các ngành công nghiệp chủ yếu được lựa chọn bằng cách sử dụng nhiều chỉ tiêu kinh tế và việc lựa chọn cuối cùng được thực hiện dựa trên việc xem xét tổng thể đối các chính sách công nghiệp và các chính sách có liên quan của quốc gia cũng như tầm quan trọng của từng ngành (Hình 3-1). Các chỉ tiêu lựa chọn được tóm tắt như sau.

(a) Giá trị gia tăng
(b) Doanh thu thuần và số lao động trong từng ngành
(c) 10 chỉ tiêu hàng đầu trong thống kê xuất khẩu
(d) Kế hoạch phát triển dài hạn của chính phủ

- Lựa chọn các ngành VSIC cấp 4 nằm trong nhóm có tỷ trọng giá trị sản xuất cộng dồn đạt 80% tổng giá trị sản xuất cả nước trên cơ sở số liệu giá trị sản xuất theo từng ngành công nghiệp (số liệu thu được từ Cuộc Điều tra doanh nghiệp của năm 2003 thực hiện năm 2004) bao gồm 8 ngành chính mà Nhóm Nghiên cứu JICA đã chọn (37 ngành đứng đầu chiếm 80.33% tổng giá trị sản xuất của Việt Nam, theo số liệu năm 2004)
- Tương tự như trường hợp lựa chọn ngành tại cấp toàn quốc, một đường giới hạn tại 75% giá trị sản xuất của từng địa bàn điều tra được đưa ra để lựa chọn các ngành VSIC cấp 4 nằm trong nhóm đó (Tỷ lệ đại diện khác nhau tuỳ vào từng tỉnh/thành phố)
- Các ngành được lựa chọn tại cấp tỉnh/thành phố và cấp toàn quốc sẽ được so sánh và loại trừ theo những điều chỉnh sau:
  - Những ngành công nghiệp chính ở cấp tỉnh/thành phố nhưng không quan trọng ở cấp toàn quốc (→ chọn)
  - Những ngành công nghiệp không nằm trong nhóm chiếm 75% giá trị sản xuất ở cấp tỉnh, thành phố nhưng lại quan trọng ở cấp toàn quốc (→ chọn)

Kết quả là, 40 ngành đã được chọn cho Điều tra thử 1. Cho Điều tra thử 2, 48 ngành đã được chọn bao gồm 39 ngành đã được điều tra trong Điều tra thử 1 (Bảng 3-3). Một ngành không được lựa chọn là trong Điều tra thử 2 mặc dù được điều tra ở Điều tra thử 1"VSIC2211 Ngành xuất bản sách" do tầm quan trọng của ngành này ở cấp quốc gia đang giảm dần.

cuộc Điều tra thử được thực hiện trong ba tháng liên tục (số lượng các ngành và các địa bàn điều tra cũng được giới hạn).

Quy trình lựa chọn địa bàn điều tra, ngành và các sản phẩm điều tra được tiến như trình bày dưới đây.

3.1.2.1 Lựa chọn các địa bàn điều tra

Trước hết, việc lựa chọn địa bàn điều tra được xem xét để đạt được các kết quả tối ưu bằng cách thu hẹp số địa bàn điều tra. Trong Điều tra thử lần 1, có 3 tỉnh/Tp đã được lựa chọn điều tra gồm thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hồ Chí Minh.

Trong Điều tra thử lần 2, tổng số 9 địa bàn (4 thành phố và 5 tỉnh) được lựa chọn là địa bàn điều tra. Như vậy, 6 địa bàn công nghiệp mới được bổ sung cùng với ba địa bàn của Điều tra thử 1.

Bảng 3-2 Các tỉnh và thành phố điều tra trong các cuộc Điều tra thử

Số.	Vùng	Điều tra thử 1	Điều tra thử 2
①	Miền Bắc	Tp Hà Nội	Tp Hà Nội
②		Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh
③		–	Tỉnh Vĩnh Phúc
④		–	Tỉnh Hải Phòng
⑤		–	Tỉnh Thanh Hoá
⑥	Miền Trung	–	Tp Đà nẵng
⑦	Miền Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tp Hồ Chí Minh
⑧		–	Tỉnh Đồng Nai
⑨		–	Tỉnh Bình Dương

3.1.2.2 Các ngành điều tra

(1) Khái niệm cơ bản cho việc lựa chọn ngành điều tra

Ở Việt Nam, "Phân ngành Công nghiệp chuẩn Việt Nam (VSIC)" hiện đang được sử dụng trong phân ngành công nghiệp. Phân ngành này được phát triển dựa trên "Phân ngành chuẩn quốc tế (ISIC) phiên bản 3.0" do Ban Thống kê Liên hợp quốc ban hành.

Công nghiệp Việt Nam được phân loại thành ba ngành bao gồm "C: Công nghiệp khai thác mỏ", "E: Cung cấp điện, nước và khí đốt", và "D: Công nghiệp chế biến". Các cuộc điều tra công nghiệp được tiến hành dựa trên các phân ngành trên. Các phân ngành công nghiệp trên sẽ được áp dụng trong thống kê công nghiệp để phát triển kế hoạch cơ bản của thống kê sản xuất thường xuyên. Tuy nhiên, việc điều tra cả ba ngành trên là mục tiêu cuối cùng. Trong qua trình phát triển và xây dựng thống kê sản xuất, các ngành điều tra sẽ bị hạn chế. Cụ thể, sau khi thảo luận với TCTK, các ngành điều tra sẽ được lựa chọn từ "D: Công nghiệp chế biến" với ngành cấp 4. Các ngành điều tra được lựa chọn theo ba bước dưới đây.

Bước đầu tiên:

Bảng 3-3 Các ngành lựa chọn và tỷ lệ đại diện theo giá trị sản xuất cấp toàn quốc

(Đến năm 2003)

	Điều tra thử	Điều tra thử	VSIC	Ngành	Giá trị sản xuất	
					Tỷ trọng so với cả	Cộng dồn
1	○	○	1512	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và sản phẩm từ thuỷ sản	7.45%	7.45%
2	○	○	1920	Sản xuất giầy dép	5.04%	12.49%
3	○	○	1810	May trang phục (trừ quần áo da lông thú)	4.55%	17.03%
4	○	○	2694	Sản xuất xi măng, vôi, vữa	4.11%	21.15%
5	○	○	3410	Sản xuất xe có động cơ	4.06%	25.21%
6	○	○	2710	Sản xuất sắt, thép	3.93%	29.14%
7	○	○	3591	Sản xuất mô tô, xe máy	3.79%	32.93%
8	○	○	1711	Sản xuất sợi và dệt vải	3.43%	36.36%
9	○	○	2520	Sản xuất các sản phẩm từ plastic	3.30%	39.65%
10	○	○	1533	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm	2.92%	42.58%
11	○	○	1600	Sản xuất các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	2.75%	45.33%
12	○	○	1553	Sản xuất bia và mạch nha	2.43%	47.75%
13	○	○	3610	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.	2.36%	50.11%
14	—	○	1549	Sản xuất các thực phẩm khác	2.28%	52.39%
15	○	○	1531	Xay xát và sản xuất bột thô	2.02%	54.42%
16	○	○	2424	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng	1.84%	56.26%
17	○	○	2693	Sản xuất gạch, ngói và gốm, sứ xây dựng không chịulửa	1.76%	58.02%
18	○	○	2899	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	1.69%	59.70%
19	○	○	1520	Sản xuất sản phẩm bơ, sữa	1.54%	61.24%
20	○	○	3010	Sản xuất thiết bị văn phòng	1.48%	62.72%
21	○	○	3130	Sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện	1.34%	64.06%
22	○	○	3230	Sản xuất máy thu thanh, thu hình, thiết bị ghi & phát	1.24%	65.30%
23	○	○	2423	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	1.23%	66.53%
24	○	○	3511	Đóng và sửa chữa tàu	1.18%	67.71%
25	○	○	2412	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	1.13%	68.84%
26	—	○	1542	Sản xuất đường	1.12%	69.96%
27	○	○	2221	In	1.11%	71.08%
28	○	○	1514	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1.08%	72.15%
29	○	○	2811	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	1.05%	73.20%
30	○	○	3190	Sản xuất thiết bị điện khác	1.04%	74.24%
31	○	○	3220	Sản xuất máy truyền thanh, truyền hình và các thiết bị	0.95%	75.19%
32	○	○	2102	Sản xuất giấy nhăn và bao bì	0.94%	76.14%
33	○	○	3210	Sản xuất đèn, ống đèn điện tử và các linh kiện điện tử	0.92%	77.06%
34	—	○	2029	Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, ra	0.87%	77.93%
35	○	○	1554	Sản xuất đồ uống không cồn	0.85%	78.77%
36	○	○	2101	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	0.80%	79.58%
37	—	○	2422	Sản xuất sơn, vecni và các chất sản quét tương tự	0.75%	80.33%
38	○	○	2695	Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa	0.73%	81.06%
39	—	—	2421	Sản xuất thuốc trừ sâu và các sản phẩm hoá chất khác	0.65%	81.71%
40	—	○	2930	Sản xuất thiết bị gia đình	0.65%	82.36%
41	○	○	2519	Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su	0.63%	82.99%
42	—	—	3699	Sản xuất các sản phẩm khác	0.63%	83.62%
43	○	○	2429	Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác	0.63%	84.25%
44	—	○	3430	Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ	0.62%	84.86%
45	—	—	2891	Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại	0.62%	85.48%
46	—	○	1544	Sản xuất các sản phẩm khác từ bột	0.61%	86.09%
47	○	○	3110	Sản xuất mô tô, máy phát và biến thế điện	0.60%	86.70%
48	—	○	2511	Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su	0.60%	87.30%
49	○	○	2109	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa	0.59%	87.89%
50	—	—	2692	Sản xuất các sản phẩm gốm, sứ và vật liệu chịu lửa	0.57%	88.46%
51	—	○	2691	Sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa	0.42%	88.88%
52	—	—	1912	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sxyên đệm	0.40%	89.28%
53	—	—	1729	Sản xuất hàng dệt khác	0.39%	89.67%
54	○	○	2610	Sản xuất thuỷ tinh và các sản phẩm từ thuỷ tinh	0.38%	90.05%
55	—	—	1513	Chế biến và bảo quản rau, quả	0.37%	90.42%
56	—	—	1532	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	0.37%	90.79%
57	—	—	1541	Sản xuất các loại bánh từ bột	0.36%	91.15%
58	—	—	3592	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	0.36%	91.52%
59	—	—	2010	Cưa, xẻ và bào gỗ	0.35%	91.86%
60	○	—	2211	Xuất bản sách	0.32%	92.18%
61	—	—	1543	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt, kẹo	0.31%	92.49%
62	—	—	3120	Sản xuất thiết bị phân phối điện	0.31%	92.80%
63	—	—	1511	Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt	0.31%	93.10%

Nguồn: TCTK

Hình 3-1 Cấu trúc cơ bản của việc lựa chọn ngành chế biến mục tiêu

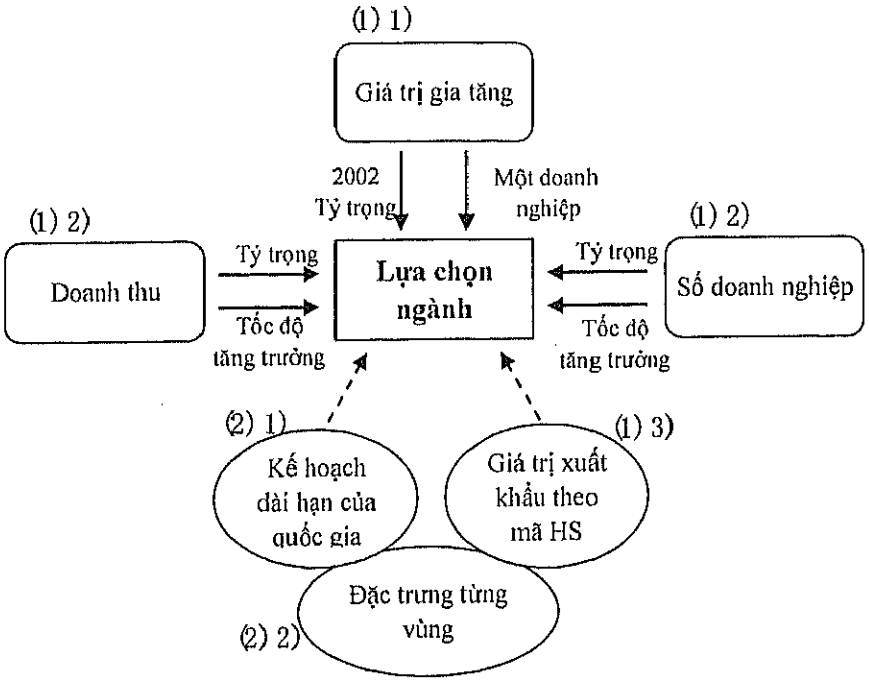

Sau các bước nói trên, Nhóm Nghiên cứu JICA đã lựa chọn những ngành chủ chốt trong cả nước (15 ngành). Sau đó, danh sách các ngành trên sẽ được xem xét với Tổ Công tác trong Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK và tám ngành đã được chọn là những ngành chủ chốt đại diện cho ngành công nghiệp của cả nước. Tỷ trọng giá trị gia tăng của những ngành này trong ngành công nghiệp chế biến là 33.3% trong năm 2002.

- 1810 Sản xuất trang phục, trừ quần áo da lông thú
- 2694 Sản xuất xi măng, vôi vữa
- 1553 Sản xuất bia và mạch nha
- 1600 Sản xuất các ngành thuốc lá, thuốc lào
- 1512 Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các ngành từ thuỷ sản
- 3410 Sản xuất xe có động cơ
- 3591 Sản xuất mô tô, xe máy
- 2101 Sản xuất giấy nhăn và bao bì

(3) Những ngành được điều tra trong các cuộc Điều tra thử

Danh sách các ngành điều tra cuối cùng cho các cuộc Điều tra thử được lựa chọn bằng cách kết hợp quy trình lựa chọn ở cả cấp toàn quốc và cấp tỉnh.

Tổng quát quy trình lựa chọn ngành cho các cuộc Điều tra thử được trình bày dưới đây (Tham khảo Hình 3-2).

Hình 3-3 Quy trình lựa chọn các sản phẩm mục tiêu trong Điều tra thử 2

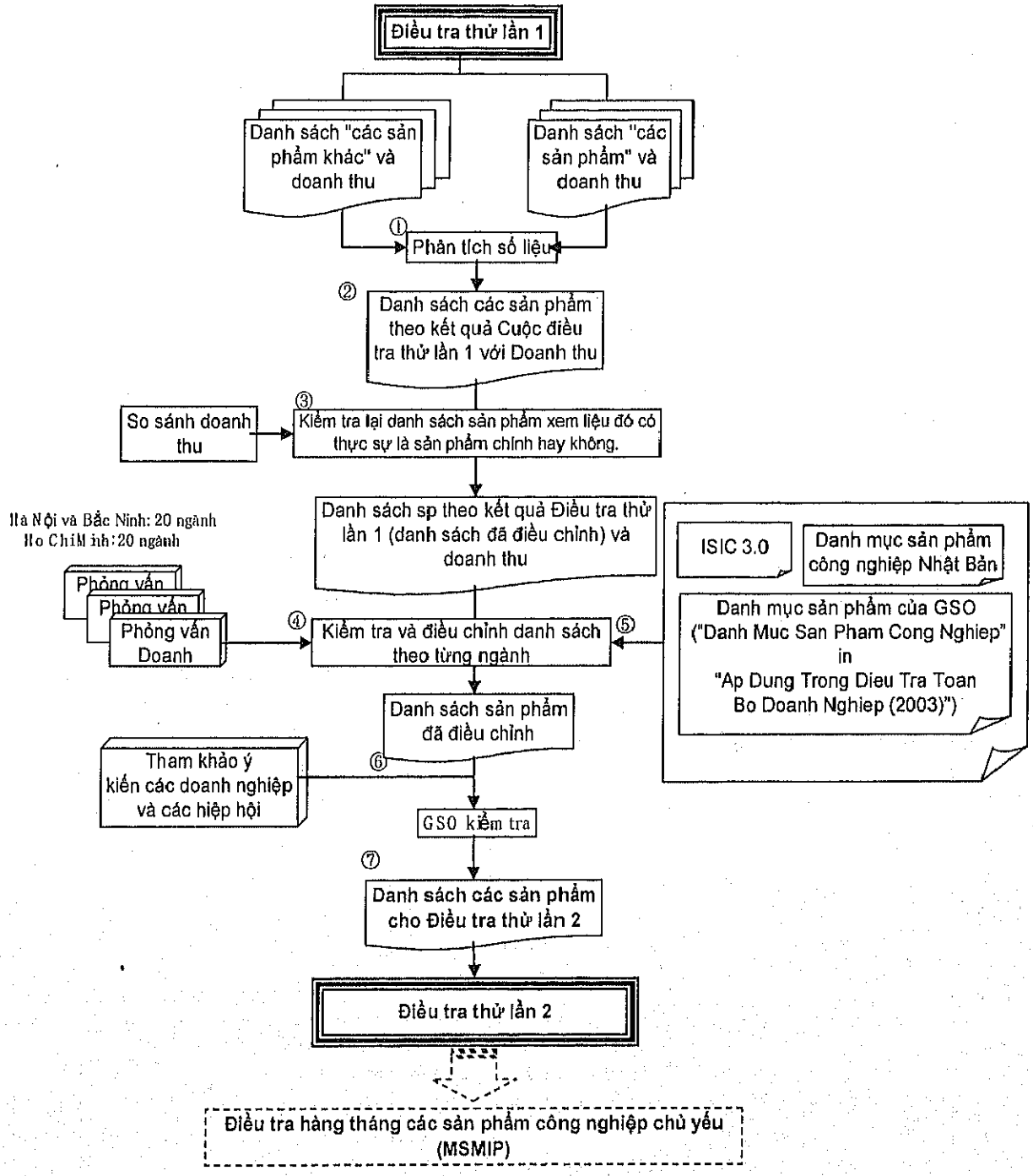

Hình 3-2 Quy trình lựa chọn các ngành điều tra trong các cuộc Điều tra thử

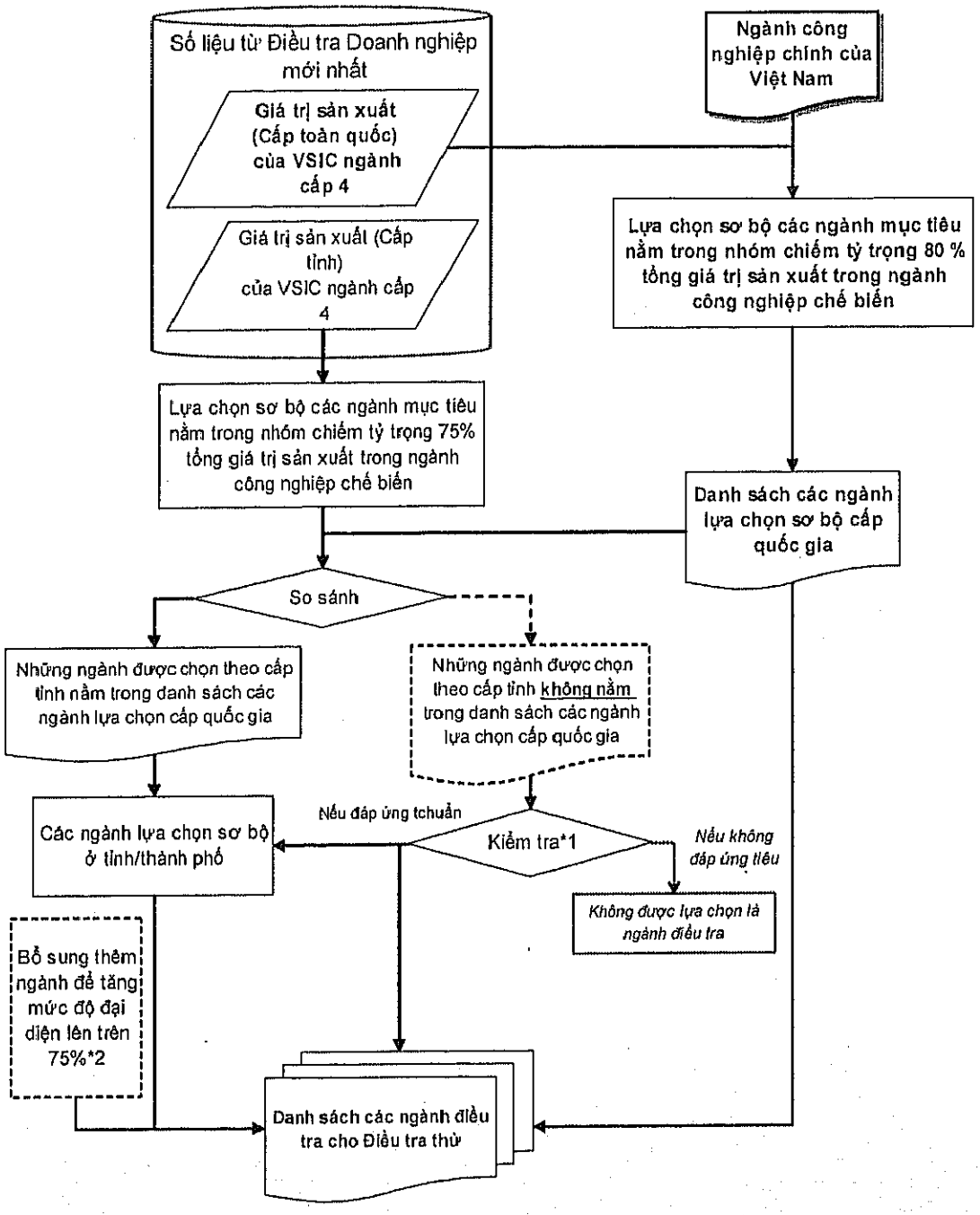

*1: Các tiêu chuẩn kiểm tra như sau:

1-1 Đó có phải là ngành quan trọng trong địa bàn điều tra hay không..

1-2 Đó có phải là ngành gồm những sản phẩm khác chưa được phân vào đâu (VD: 1729 hay 3699).

*2: Nếu các ngành đã lựa chọn không đạt mức độ đại diện là trên 75% trên địa bàn điều tra, những ngành bổ sung sẽ được chọn từ danh sách các ngành chính theo cấp quốc gia.

Hình 3-4 Biểu đồ mô tả việc lựa chọn Doanh nghiệp/Cơ sở kinh tế mục tiêu cho các cuộc Điều tra thử

Lựa chọn doanh nghiệp theo loại hình doanh nghiệp như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn ĐTNN và doanh nghiệp ngoài quốc doanh trừ các hộ kinh doanh cá thể.

Điều tra thử 1

① Sắp xếp giá trị sản xuất của doanh nghiệp trong từng ngành theo từng địa bàn điều tra

② Tính toán tỷ trọng giá trị sản xuất từ các doanh nghiệp có tỷ trọng lớn nhất trong từng ngành

③ Lựa chọn các doanh nghiệp nằm trong nhóm có tỷ trọng cộng dồn chiếm từ 75% giá trị sản xuất trở lên trong mỗi ngành (tỷ trọng này được điều chỉnh cho mỗi ngành)

④ Xác nhận và điều chỉnh phân ngành VSIC, loại hình doanh nghiệp và tỷ trọng của trong danh sách doanh nghiệp được lựa chọn.

⑤ Kiểm tra lần cuối theo số liệu mới nhất của Cục TK (những doanh nghiệp không hoạt động, chuyển đi nơi khác, vv)

⑥ Lập danh sách cơ sở kinh tế bằng cách bổ sung các chỉ tiêu cần thiết (như tên sản phẩm chính) vào danh sách doanh nghiệp và xác định sự tồn tại của cơ sở kinh tế trực thuộc mỗi doanh nghiệp.

⑦ Chốt lại danh sách cơ sở kinh tế và gửi cho TCTK

⑧ Tất cả các danh sách được gửi từ 9 Cục TK sẽ được TCTK kết hợp lại và điều chỉnh số cơ sở kinh tế điều tra lên tới 2000 trong Điều tra thử 2 nếu cần.

Điều tra thử 2

Sự tồn tại của các cơ sở kinh tế cần được xác nhận sau khi lựa chọn các doanh nghiệp mục tiêu từ cơ sở dữ liệu của TCTK cho Điều tra thử 2. Vì vậy, các chỉ tiêu lựa chọn đã được thảo luận trong quá trình lựa chọn. Về cơ bản, một cơ sở kinh tế đáp ứng các yêu cầu dưới đây được lựa chọn để điều tra. Nếu không, chính doanh nghiệp mà cơ sở kinh tế trực thuộc sẽ là đơn vị điều tra.

- Hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến (nhà máy), có địa điểm cố định, có hoạt động sản xuất với sự tham gia của lao động và công cụ lao động ít nhất ba tháng trong một năm.

3.1.2.3 Các sản phẩm điều tra

(1) Qua thảo luận với Vụ Công nghiệp và Xây dựng về cách lựa chọn sản phẩm, việc lựa chọn các sản phẩm có khả năng so sánh theo tiêu chuẩn quốc tế đã được nhất trí. Vì lý do này, Cuộc điều tra thử lần 1 đánh giá và chọn sản phẩm dựa trên Hệ thống Phân loại sản phẩm Chủ yếu Việt Nam (VCPC phân ngành cấp 5). Những vấn đề dưới đây đã được chú trọng trong quá trình này.

- Các sản phẩm VCPC sẽ được phân chia chi tiết hơn để phản ánh đúng thực tế
- Các sản phẩm không được sản xuất ở Việt Nam được bỏ đi.
- Những sản phẩm được sản xuất với mức độ tối thiểu được bỏ đi
- Những sản phẩm có tên gọi dài sẽ được điều chỉnh cho ngắn hơn.
- Sau khi lựa chọn sản phẩm, sự hợp lý của phân loại này sẽ được thẩm định bằng những cuộc phỏng vấn trực tiếp các tổ chức và doanh nghiệp được điều tra. .

Kết quả là, số sản phẩm được điều tra trong Điều tra thử 1 là 213 sản phẩm thuộc 40 ngành công nghiệp.

(2) Lựa chọn sản phẩm trong Điều tra thử 2

Mặc dù có 9 ngành được bổ sung trong Điều tra thử 2, danh mục sản phẩm của 39 ngành trước đó vẫn tương tự như Điều tra thử 1. Dựa vào kết quả phân tích "Sản phẩm khác" trong phiếu điều tra của Điều tra thử lần 1, một số sản phẩm quan trọng đã được bổ sung vào danh mục sản phẩm áp dụng cho Điều tra thử lần 2. (Tham khảo hình 3-4 để xem xét quy trình lựa chọn). Kết quả, số sản phẩm cho Điều tra thử 2 tăng lên tới 524 sản phẩm trong 48 ngành. Cần chú ý rằng một trong những mục tiêu của các cuộc Điều tra thử là càng tìm hiểu được nhiều sản phẩm sản xuất tại Việt Nam càng tốt. Trong quá trình chuẩn bị phiếu điều tra để thực hiện kế hoạch cơ bản, những sản phẩm không được báo cáo sản xuất trong hai cuộc Điều tra thử sẽ bị loại ra khỏi danh mục sau khi phân tích số liệu sản xuất của 524 sản phẩm.

(3) Áp dụng đơn vị tính

Đơn vị đo lường cho từng sản phẩm được áp dụng dựa trên cơ sở các điều kiện sản xuất chung như trọng lượng, dung lượng, khối lượng và số lượng. Do điều tra thống kê dựa trên sản phẩm chưa được tiến hành tại Việt Nam nên các đơn vị tính sẽ được điều chỉnh trong các cuộc Điều tra thử và Điều tra tiền trạm.

Bảng 3-4 Số Doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) mục tiêu trong các cuộc Điều tra thử

VSIC	Trial Survey 1				Trial Survey 2									
	Tổng 3 tỉnh	Hà Nội	Bình Dương	TP Hồ Chí Minh	Tổng 9 tỉnh	Hà Nội	Hải Phòng	Vĩnh Phúc	Bắc Ninh	Thanh Hoá	Đà Nẵng	Đồng Nai	Bình Dương	TP Hồ Chí Minh
TOTAL	500	175	65	260	1927	350	200	66	135	120	176	187	292	401
1512	22	4	—	18	56	3	12	—	—	6	11	2	5	17
1514	1			1	5	—	—	3	—	—	—	1	—	1
1520	1	—	—	1	4	1	—	—	—	—	—	—	2	1
1531	3			3	12	0	—	—	2	—	—	—	7	3
1533	9	8	1	—	34	11	3	2	1	3	4	6	4	0
1542	0				7	—	—	—	—	3	—	2	1	1
1544	0	—	—	—	5	—	—	—	—	—	—	1	—	4
1549	0				47	9	4	2	1	1	1	4	13	12
1553	7	3	2	2	19	4	6	2	2	1	2	1	—	1
1554	3			3	28	11	—	2	—	2	3	2	5	3
1600	5	2	1	2	9	1	2	—	1	1	1	1	—	2
1711	14	4		10	50	8	1	4	4	1	8	6	8	10
1810	68	18	2	48	142	26	20	5	4	8	10	11	12	46
1920	13	5		8	65	7	22	2	—	2	3	6	15	8
2029	0	—	—	—	93	11	—	1	—	13	7	9	33	19
2101	9		9		84	6	4	—	40	6	9	—	5	14
2102	20	—	—	20	60	—	10	1	2	2	12	3	12	18
2109	26	13	13		34	14	3	—	3	2	6	2	3	1
2211	2	2	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
2221	28	14	—	14	50	16	4	1	—	8	5	1	—	15
2412	2	—	—	2	15	1	—	—	—	7	2	1	3	1
2422	0	—	—	—	32	5	2	—	1	—	—	5	14	5
2423	18	6	—	12	35	6	1	2	1	—	2	6	6	11
2424	2	—	—	2	17	2	4	1	—	—	—	4	4	2
2429	4	4	—	—	22	4	2	1	1	—	1	4	9	0
2511	0	—	—	—	6	—	—	1	—	—	1	1	—	3
2519	10	—	—	10	49	8	5	—	—	—	—	7	—	29
2520	78	27	—	51	154	40	14	3	2	5	11	10	20	49
2610	2	—	2	—	16	4	3	1	2	1	1	—	—	4
2691	0	—	—	—	33	1	—	—	1	1	—	2	28	0
2693	6	6	—	—	79	9	4	14	3	14	7	15	11	2
2694	3	1	—	2	15	—	5	—	—	3	2	1	2	2
2695	7	7	—	—	40	13	3	3	1	3	4	3	—	10
2710	14	6	5	3	63	10	15	1	8	2	17	2	4	4
2811	9	9	—	—	86	13	4	—	6	7	16	8	1	31
2899	32	—	12	20	100	31	9	2	13	3	9	5	10	18
2930	0	—	—	—	22	7	2	—	1	2	—	1	2	7
*3000	1	1	—	—	12	1	3	—	—	—	—	3	1	4
3110	3	3	—	—	9	4	—	—	1	—	—	3	—	1
3130	6	4	—	2	16	7	4	—	—	—	—	3	—	2
3190	7	5	—	2	18	6	1	—	2	1	2	2	2	2
3210	4	4	—	—	15	3	1	1	—	—	—	1	4	5
3220	2	—	—	2	6	3	—	—	—	—	—	2	—	1
3230	9	4	—	5	11	4	1	—	—	—	—	1	—	5
3410	7	4	—	3	16	7	2	1	—	1	—	1	1	3
3430	0	—	—	—	24	3	—	1	1	—	—	12	—	7
3511	5	—	—	5	25	—	16	—	1	3	1	—	—	4
3591	11	11	—	—	29	14	5	1	—	—	3	2	—	4
3610	27	—	18	9	158	16	3	8	30	8	15	24	45	9

Note: "3000" is equivalent to "3010" in Tiral Survey 1

3.1.2.4 Các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra

(1) Đơn vị điều tra

Điều tra sản xuất thường xuyên nên được tiến hành với đơn vị là các cơ sở kinh tế. Tuy nhiên, các cuộc điều tra của TCTK thường lấy doanh nghiệp là đơn vị điều tra và dữ liệu về các cơ sở kinh tế lại rất hạn chế. Vì vậy, TCTK đã nhất trí lấy doanh nghiệp là đơn vị điều tra trong Điều tra thử 1 do không đủ thời gian để xây dựng danh sách cơ sở kinh tế. Ngược lại, Điều tra thử 2 lại được thực hiện dựa trên danh sách cơ sở kinh tế đã được lập bằng cách lấy danh sách các doanh nghiệp mục tiêu từ cơ sở dữ liệu và kiểm tra xem những doanh nghiệp này có các cơ sở kinh tế trực thuộc hay không. Công việc kiểm tra do TCTK thực hiện.

(2) Lựa chọn các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra

Những nguồn số liệu dưới đây được lấy từ cơ sở dữ liệu của TCTK được cập nhật trong Điều tra Doanh nghiệp năm 2003 và 2004 nhằm mục đích lựa chọn các doanh nghiệp điều tra và phát triển một danh sách doanh nghiệp.

- Tên doanh nghiệp
- Địa chỉ
- Số điện thoại
- Mã vùng (Tỉnh, Huyện, Xã)
- Mã VSIC (cấp 4)
- Mã số thuế
- Mã loại hình doanh nghiệp
- Giá trị sản xuất

Dựa trên các số liệu này, các doanh nghiệp mục tiêu của Điều tra thử 1 đã được lựa chọn từ bước ① đến ⑥, và các cơ sở kinh tế mục tiêu trong Điều tra thử 2 được lựa chọn theo các bước từ ① đến ⑨. Biểu đồ mô tả như ở trong Hình 3-4.

Vì các cơ quan Chính phủ và các doanh nghiệp đều không hoạt động trong dịp Tết (Năm mới của Việt Nam) từ cuối tháng 1 đến đầu tháng 2 trong vòng một tuần nên việc thực hiện các hoạt động điều tra và thu thập số liệu theo chuỗi thời gian ở giai đoạn này gặp khó khăn. Do đó, lịch trình điều tra để kết thúc việc thu thập phiếu điều tra được ấn định vào cuối tháng 1 (Bảng 3-5).

Tháng báo cáo là tháng theo niên lịch, bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng đến ngày cuối cùng của tháng.

Bảng 3-5 Giai đoạn thực hiện Điều tra thử

Điều tra thử 1			Điều tra thử 2		
Tháng báo cáo		Tháng thu thập	Tháng báo cáo		Tháng thu thập
Tháng 10 năm 2004	⇨	Tháng 11 năm 2004	Tháng 10 năm 2005	⇨	Tháng 11 năm 2005
Tháng 11 năm 2004	⇨	Tháng 12 năm 2004	Tháng 11 năm 2005	⇨	Tháng 12 năm 2005
Tháng 12 năm 2004	⇨	Tháng 1 năm 2005	Tháng 12 năm 2005	⇨	Tháng 1 năm 2006

Tiến trình được mô tả trong hình vẽ sau (Hình 3-6).

Hình 3-6 Tiến trình Điều tra thử

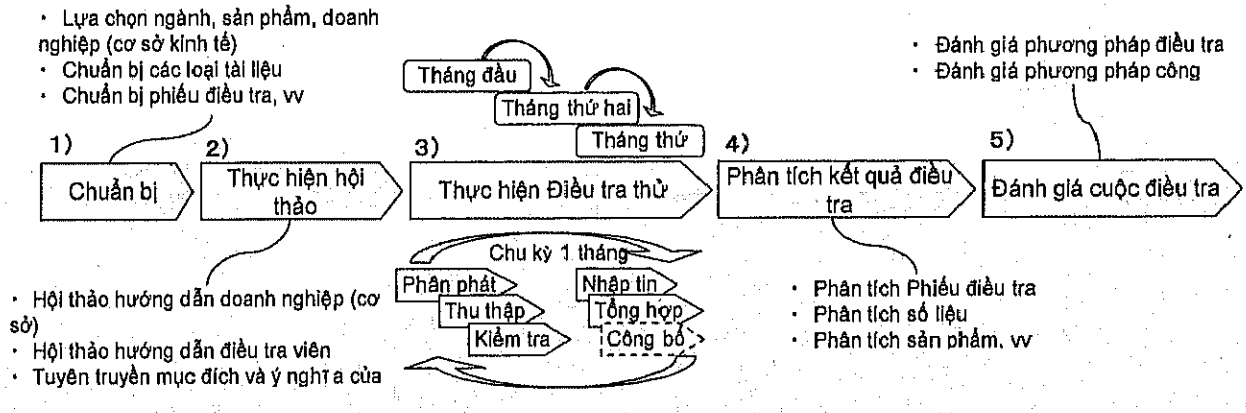

3.1.3.3 Thực hiện các cuộc Điều tra thử

(1) Phân phát phiếu điều tra

Các điều tra viên Cục TK và Phòng TK bắt đầu phân phát phiếu điều tra từ ngày 21 của tháng báo cáo (ngày 21 tháng 10 trong tháng đầu tiên) bằng cách trực tiếp đến doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) có tên trong danh sách điều tra chính thức (chú ý rằng các phiếu điều tra được phân phát hàng tháng trong quá trình điều tra để đề phòng mất mát nhưng cũng có thể phân phát một lúc ba phiếu điều tra theo yêu cầu của doanh nghiệp). Khi gặp gỡ doanh nghiệp, điều tra viên sẽ giải thích về Điều tra thử và mục tiêu của nó, thuyết phục sự hợp tác và giải thích quy trình ghi phiếu. Đồng thời, hạn nộp phiếu điều tra cũng được thông báo rõ.

Có hệ thống kế toán riêng (nhìn chung, một công ty thường có một cơ sở kinh tế (nhà máy). Trong trường hợp có nhiều hơn hai cơ sở kinh tế và những cơ sở này hạch toán riêng, chúng sẽ là các đơn vị điều tra).

Cuối cùng, 500 doanh nghiệp đã được lựa chọn cho Điều tra thử 1 và 1.927 cơ sở kinh tế được lựa chọn cho Điều tra thử 2. Sự sắp xếp các doanh nghiệp/cơ sở kinh tế điều tra theo ngành và theo tỉnh được thể hiện trong Bảng 3-4.

1) 1) Thông tin cơ bản

Thông tin về các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra bao gồm tên doanh nghiệp (cơ sở), địa chỉ, mã số thuế, loại hình doanh nghiệp, số điện thoại, tên người liên hệ, tháng báo cáo. Những thông tin này rất cần thiết để cập nhật danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và cần được kiểm tra để phát hiện những thay đổi.

2) Sự cân bằng giữa các số liệu điền vào

Các số liệu điền cho từng chỉ tiêu điều tra về thông tin sản phẩm cần được kiểm tra để đảm bảo logic số liệu và sự cân bằng giữa những chỉ tiêu cơ bản (sản xuất, xuất kho, tiêu thụ nội bộ, tồn kho, vv...)

3) Đơn vị

Những đơn vị được nhập không chính xác như sử dụng sai đơn vị tính (ví dụ: "tấn" thay cho "kg" hay không dùng "triệu đồng" khi điền trị giá hàng xuất kho).

4) Hệ thống ghi số

Một số chỉ tiêu yêu cầu điền số liệu có số thập phân bằng cách làm tròn chữ số thứ hai sau dấu thập phân và tất cả các chỉ tiêu được kiểm tra xem đã tuân thủ nguyên tắc đó chưa. Đồng thời, những chỉ tiêu sử dụng lẫn lộn dấu chấm và dấu phẩy khi biểu hiện số thập phân cũng được kiểm tra (sự khác biệt giữa cách dùng dấu "," và dấu "." giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài).

5) Sản phẩm khác

Việc điền sai sản phẩm khác cũng sẽ được kiểm tra. Ví dụ: một sản phẩm được in sẵn trong phiếu lại bị điền vào mục sản phẩm khác hay sản phẩm khác có thuộc ngành điều tra theo phiếu hay không.

Những nguyên tắc kiểm tra nói trên sẽ được áp dụng trong điều tra chính thức.

(4) Nhập dữ liệu (được tiến hành từ ngày 14 đến ngày 17 của tháng sau tháng báo cáo)

Tất cả các phiếu điều tra sẽ được chuyển lên Cục TK và nhập tin ở đây. Các điều tra tại Phòng TK không tham gia vào quá trình nhập tin. Các phiếu điều tra sẽ được nhân viên Cục TK (nhân viên nhập tin hoặc điều tra viên) nhập tin sau khi đã kiểm tra giống như nhập tin cho Điều tra Chọn mẫu Công nghiệp hàng tháng hiện nay. Số liệu nhập tin sẽ được truyền lên TCTK vào một ngày nhất định (ngày 17 hay 18 hàng tháng). Đặc tính và chức năng cơ bản của phần mềm nhập tin và hệ thống được mô tả khái quát dưới đây (tham khảo Chương 6 để biết thêm thông tin).

1) Phần mềm xử lý dữ liệu

Theo kết quả thảo luận giữa TCTK và Nhóm Nghiên cứu JICA, Visual FoxPro được quyết định sẽ sử dụng để phát triển hệ thống xử lý dữ liệu cho các cuộc Điều tra thử. Visual

3.1.3 Hệ thống điều tra và phương pháp luận

3.1.3.1 Hệ thống thực hiện điều tra

Các cuộc Điều tra thử được một cơ quan trong nước thực hiện dưới sự uỷ thác của Nhóm Nghiên cứu JICA. Nhiều đơn vị trong đó có cả một công ty nghiên cứu tư nhân đã được xem xét và đánh giá. Trong quá trình đánh giá, một tiêu chí cần cân nhắc là điều tra thống kê sản xuất thường xuyên được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK nên hệ thống điều tra hiện nay của TCTK cần được phân tích và đánh giá như một phần của Kế hoạch phát triển. Với những nhân tố đó, Nhóm Nghiên cứu quyết định thuê Viện Khoa học Thống kê (SSI), một đơn vị nghiên cứu trực thuộc nhưng hạch toán độc lập, tiến hành các cuộc Điều tra thử có sử dụng hệ thống điều tra thống kê của TCTK bao gồm các Cục Thống kê và các Phòng TK (Hình 3-5).

Hình 3-5 Cơ cấu thực hiện Điều tra thử

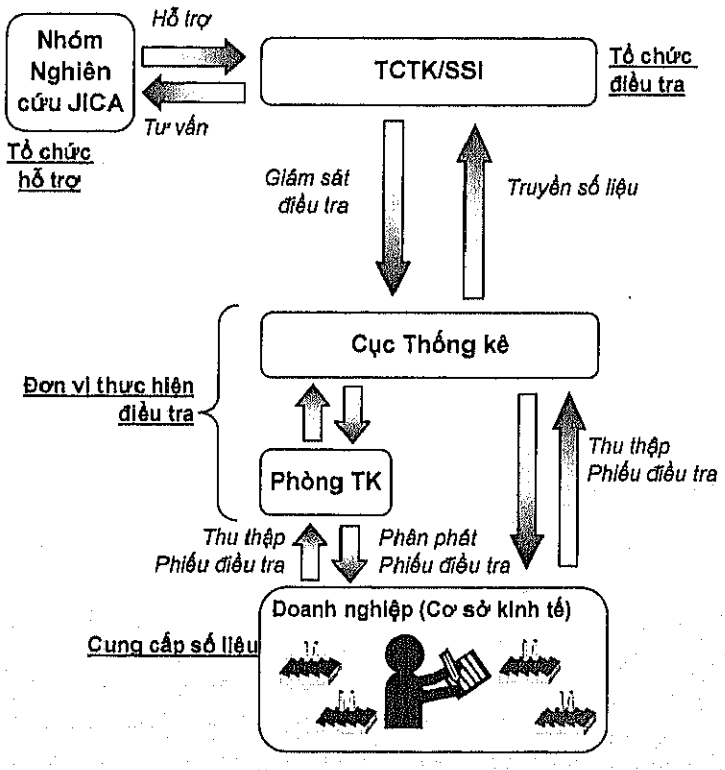

3.1.3.2 Lịch trình thực hiện

Điều tra thử lần 1 và 2 được tiến hành trong vòng ba tháng của năm 2004 và 2005 với mỗi tháng là một kỳ điều tra. Vì vậy, giai đoạn thu thập phiếu điều tra là ba tháng từ tháng 11 năm 2004 đến tháng 1 năm 2005 và từ tháng 11 năm 2005 đến tháng 1 năm 2006. .

Hình 3-8 Chu trình thực hiện Điều tra thử

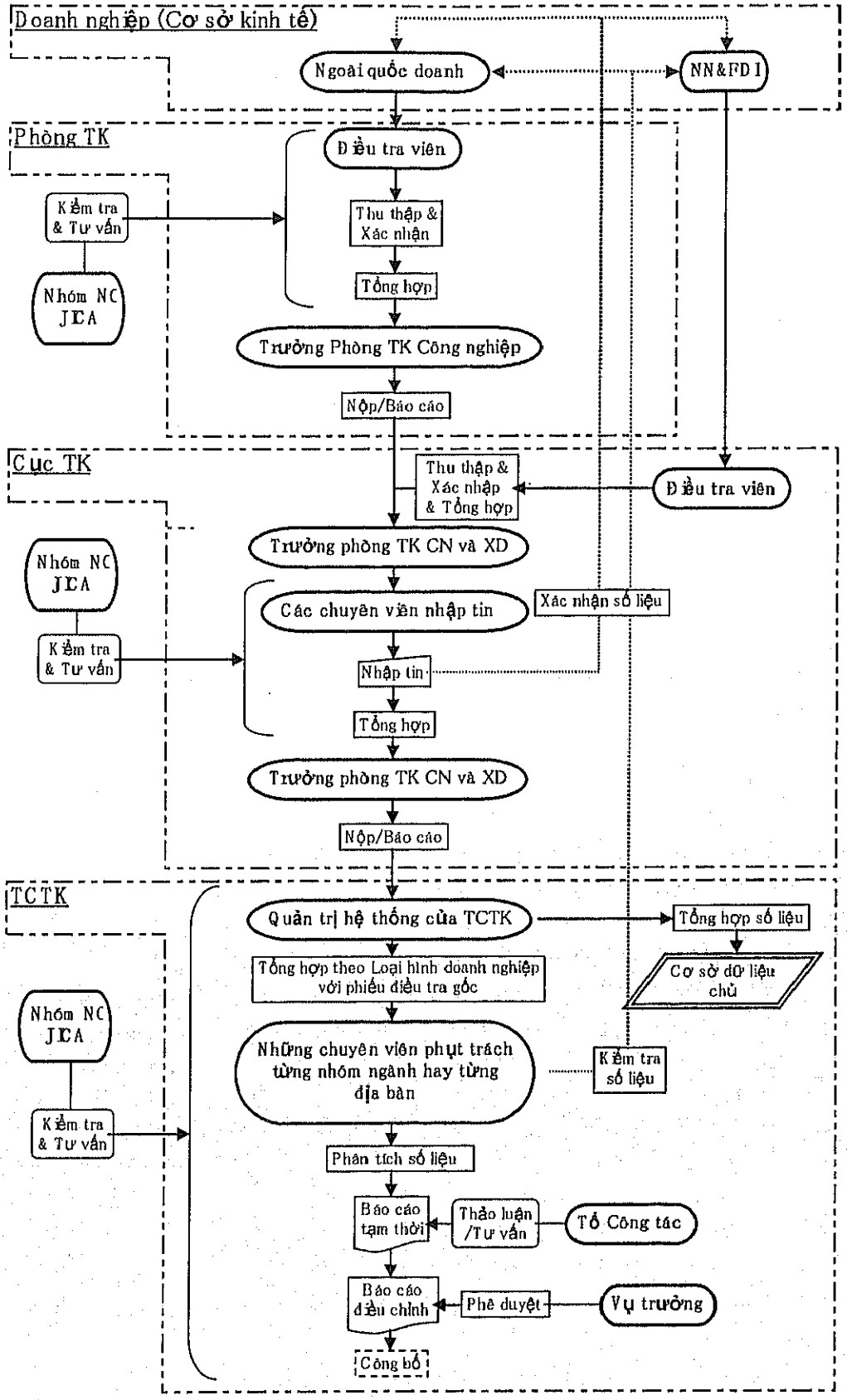

(2) Thu thập Phiếu điều tra

Phiếu điều tra được điều tra viên Cục TK và Phòng TK thu thập bằng cách đến trực tiếp hoặc doanh nghiệp có thể nộp bằng bản fax hoặc email trong trường hợp ngoại lệ. Dưới đây là những nguyên tắc thu thập phiếu điều tra

1)Điều tra viên kiểm tra lại phiếu điều tra đã điền sau khi nhận được để xem phiếu đã được điền đầy đủ và chính xác chưa.

2)Nếu các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra không thể nộp phiếu đúng hạn, điều tra viên Cục TK hoặc Phòng TK sẽ liên hệ với đại diện của doanh nghiệp để yêu cầu nộp đúng hạn và thông báo với người phụ trách doanh nghiệp về việc chậm trễ.

3)Việc nhắc nhở được thực hiện hai ngày trước hạn nộp phiếu mặc dù mỗi Cục TK và Phòng TK tự đưa ra hạn cho địa bàn mình.

4)Liên thứ ba của Phiếu điều tra (bản màu vàng) được doanh nghiệp giữ lại còn liên thứ nhất và liên thứ hai nộp cho điều tra viên. Liên thứ nhất sẽ được Cục TK giữ lại, còn liên thứ hai gửi lên cho TCTK (Xem Hình 3-7).

Hình 3-7 Chu kỳ thu thập Phiếu điều tra (Ví dụ)

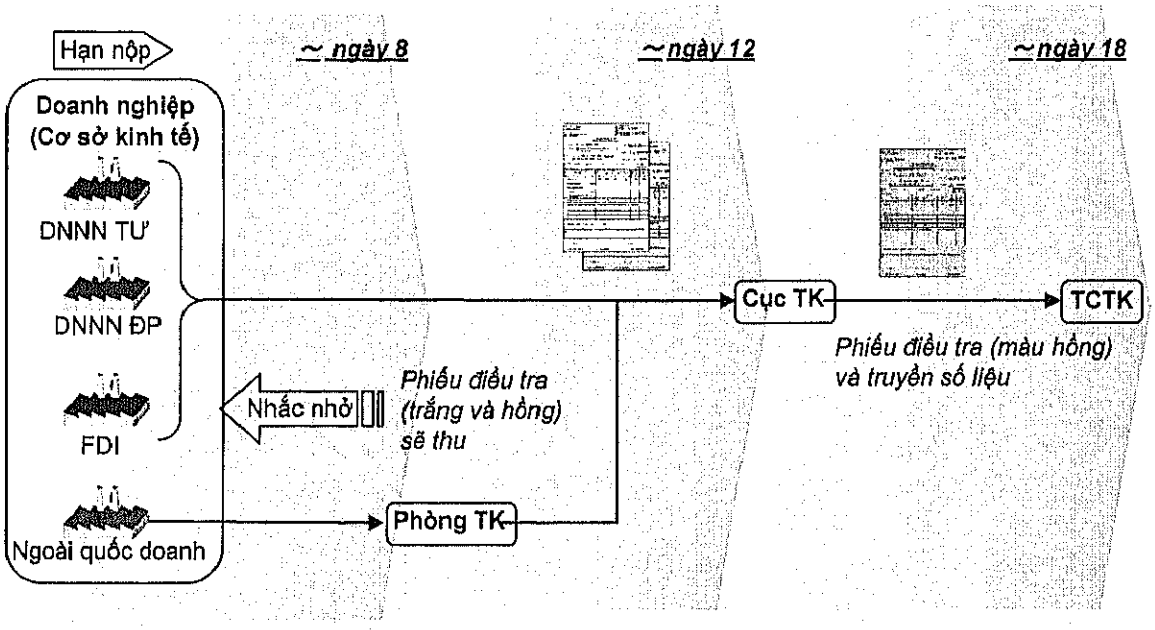

(3) Kiểm tra Phiếu điều tra đã thu thập

Như đã đề cập ở phần trên, điều tra viên đã kiểm tra phiếu điều tra theo tài liệu hướng dẫn và thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu bằng cách xác nhận với doanh nghiệp. Sau đó, phiếu điều tra lại được các điều tra viên khác hoặc người chịu trách nhiệm nhập tin kiểm tra tại Cục TK hoặc Phòng TK kiểm tra lần nữa. Những chỉ tiêu dưới đây được kiểm tra.

(f) Tổng doanh thu thuần của sản phẩm

Tổng doanh thu thuần là tổng giá trị kinh tế (không bao gồm thuế) thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo bao gồm: doanh thu từ bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, doanh thu từ dịch vụ, doanh thu từ lãi suất, bản quyền, lợi tức. Chỉ tiêu này được phân tích cùng với chỉ tiêu doanh thu thuần để xác định các số liệu trong phiếu điều tra có chính xác hay không

※ *Chỉ tiêu này không được điều tra trong Điều tra thử 2.*

(g) Khối lượng sản phẩm sản xuất dự tính cho tháng tiếp theo

Khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm trên cơ sở khối lượng sản xuất trong tháng báo cáo.

※ *Chỉ tiêu này không được điều tra trong Điều tra thử 1.*

(h) Chú thích

Phần này dùng để ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước

2) Những chỉ tiêu liên quan đến doanh nghiệp (cơ sở kinh tế)

Phiếu điều tra bao gồm cả các câu hỏi liên quan đến thông tin cơ bản của mỗi doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và những thông tin này được sử dụng để cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp như địa chỉ và các thông tin khác của doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) khi có sự thay đổi

- Tên Doanh nghiệp
- Mã số thuế
- Địa chỉ
- Loại hình doanh nghiệp (Nhà nước (Trung ương và địa phương), đầu tư nước ngoài, ngoài quốc doanh)
- Tên người điền phiếu (thường là kế toán)
- Số điện thoại
- Tháng báo cáo

3) Những chỉ tiêu liên quan đến Điều tra thử 1

Điều tra thử cũng kiểm tra các doanh nghiệp nhận xét thế nào về Điều tra thử. Cụ thể là những thông tin sau:

- Thời gian cần thiết để điền phiếu (tính toán và điền vào phiếu điều tra)
- Độ khó dễ khi điền phiếu điều tra (cụ thể, chỉ tiêu tồn kho lần đầu tiên được điều tra)
- Mong muốn sử dụng số liệu thống kê sản xuất thường xuyên (như đối tượng dùng tin tiềm năng)

FoxPro là chương trình phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được sử dụng rộng rãi tại TCTK và các Cục TK và nhân viên của TCTK rất quen thuộc với phần mềm này. Cụ thể, chương trình phần mềm được cài đặt trước với danh sách doanh nghiệp cho Điều tra thử 1 (bao gồm số liệu từ Điều tra Doanh nghiệp mới nhất như địa chỉ, số điện thoại), danh mục sản phẩm, mã vùng và hỗ trợ người thao tác nhanh chóng tìm kiếm doanh nghiệp. Ngoài ra, Visual FoxPro có các chức năng in và trợ giúp (hiển thị hướng dẫn nhập tin).

2) Tự động kiểm tra số liệu nhập tin

Phần mềm nhập tin có thể thực hiện chức năng tự động kiểm tra lỗi. Chức năng này sẽ kiểm tra các lỗi liên quan đến các số liệu điền trong phiếu điều tra của các doanh nghiệp điều tra cũng như lỗi nhập tin tại Cục TK. Cụ thể, phần mềm có thể tìm ra và phát hiện những lỗi bất thường sau

1. Cân bằng tồn kho: Khi khối lượng sản xuất gấp đôi hay không bằng một nửa tổng khối lượng xuất kho và tồn kho
2. So sánh với kỳ trước: Khi khối lượng sản xuất hay xuất kho của kỳ báo cáo vượt quá ba lần so với kỳ trước.
3. Kiểm tra giá: Khi giá xuất kho của một sản phẩm (trị giá hàng xuất kho/khối lượng xuất kho) của một cơ sở kinh tế vượt quá hai lần so với giá xuất kho của một sản phẩm tương tự được sản xuất bởi một cơ sở kinh tế khác.
4. Kiểm tra các ô trống: Khi bất kỳ một chỉ tiêu nào bao gồm khối lượng sản xuất, xuất kho, tồn kho, tiêu thụ nội bộ hay dự kiến sản xuất tháng tiếp theo bị bỏ trống.

(5) Tổng hợp và công bố số liệu (trước hoặc vào ngày 25 của tháng sau tháng báo cáo)

Số liệu được chuyển từ mỗi Cục TK lên TCTK sẽ được tổng hợp và phân tích kịp thời tại Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng. Trong khi Điều tra thử 1 không công bố số liệu, Điều tra thử 2 sẽ tiến hành công bố nội bộ để xác định các vấn đề liên quan đến phương pháp công bố và kiểm tra xem phương pháp công bố có nên được sử dụng trong điều tra chính thức hay không. Việc công bố sẽ chỉ được thực hiện trên trang Web của TCTK với những chỉ tiêu sau:

- Các bảng và các chỉ số thống kê theo ngành, sản phẩm và loại hình doanh nghiệp cấp toàn quốc
- Các bảng và các chỉ số thống kê theo ngành, sản phẩm và loại hình doanh nghiệp cấp tỉnh
- Giải thích chung và các xu hướng

Một trong những mục tiêu cơ bản của các cuộc điều tra thử là kiểm tra xem chu kỳ thực hiện trên có được tiến hành suôn sẻ hay không (Hình 3-8).

3.2 Phân tích kết quả của các cuộc Điều tra thử

3.2.1 Thu thập, kiểm tra và nhập tin

3.2.1.1 Phân tích kết quả thu thập phiếu điều tra

Cả Điều tra thử 1 và Điều tra thử 2 đều đạt tỷ lệ thu thập phiếu rất cao, khoảng từ 90% đến 100% ở tất cả các tỉnh, thành phố điều tra. Kết quả này có lẽ do ưu điểm của chế độ báo cáo hiện đang áp dụng ở Việt Nam. Tuy nhiên, tỷ lệ trả lời phiếu cho đến hạn nộp phiếu nhìn chung là thấp và tỷ lệ này cũng khác biệt giữa các vùng địa lý.

Tỷ lệ thu hồi phiếu thấp tính đến ngày yêu cầu nộp phiếu là do những nguyên nhân sau:

- Vì Điều tra thử được thực hiện song song với Điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện nay và các Cục TK ưu tiên cho cuộc điều tra hiện nay và chỉ tập trung thu phiếu sau khi kết thúc nhiệm vụ với điều tra hiện nay do các điều tra viên hiện nay đang phải chịu áp lực khối lượng công việc rất lớn.
- Nhìn chung, các công ty nước ngoài rất chậm trễ trong việc nộp phiếu do quy trình phê duyệt nội bộ chậm trễ hoặc các giám đốc nước ngoài không hiểu được sự cần thiết của các cuộc điều tra thống kê.
- Một số Cục TK nhầm lẫn hạn thu thập số liệu (ngày 12) và hạn truyền số liệu (ngày 18).
- Sự khác biệt về tỷ lệ thu hồi phiếu giữa các Cục TK do sự khác biệt trong khâu chuẩn bị. Ví dụ: có một Cục TK đã thu phiếu trước ngày nộp phiếu và đạt tỷ lệ thu hồi phiếu cao.

Ngoài những nguyên nhân trên, ngay cả cuộc Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng hiện nay cũng thường bị chậm vài ngày. Vì vậy, điều này là một vấn đề xảy ra từ các cuộc điều tra trước chứ không phải là vấn đề bắt đầu cho cuộc điều tra mới.

3.2.1.2 Phân tích các kết quả kiểm tra phiếu điều tra

Khi kiểm tra phiếu điều tra do các điều tra viên Cục TK và Phòng TK thu thập được cho các cuộc Điều tra thử, Nhóm Nghiên cứu JICA đã kiểm tra và phân tích các phiếu điều tra đã điền. Dưới đây là một số vấn đề đã phát hiện ra:

(1) Thông tin cơ bản

- Nhiều doanh nghiệp bỏ sót không điền mã số thuế.
- Nhiều phiếu điều tra không có địa chỉ hoặc số điện thoại.
- Tên của người điền phiếu bị bỏ sót.

Một số lỗi bỏ sót xảy ra là do những người điền phiếu được yêu cầu viết thông tin giống nhau cho từng tháng và một số điều tra viên cũng chấp nhận các lỗi bỏ sót thông tin cơ bản vì họ biết rất rõ về các doanh nghiệp điều tra.

3.1.4 Các chỉ tiêu điều tra và Phiếu điều tra

3.1.4.1 Các chỉ tiêu điều tra và định nghĩa

(1) Các chỉ tiêu điều tra trong Điều tra thử

Trong khi cuộc điều tra hiện nay được thiết kế để tìm hiểu hoạt động của doanh nghiệp thì cuộc điều tra thống kê sản xuất thường xuyên bao gồm các cuộc Điều tra thử lại có mục tiêu cơ bản là tìm hiểu khối lượng sản xuất theo sản phẩm. Vì vậy, các cuộc Điều tra thử tập trung vào các thông tin sau

1) Các chỉ tiêu liên quan đến sản phẩm

Đối với từng sản phẩm, những thông tin dưới đây được thu thập

(a) Khối lượng sản phẩm sản xuất

Gồm khối lượng sản phẩm sản xuất thực tế hay chế biến tại doanh nghiệp và đã qua kiểm tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác

(b) Khối lượng sản phẩm xuất kho

Chỉ tiêu này bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho thực tế từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác hay sản phẩm được tiêu thụ nội bộ).

(c) Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới .

※ *Chỉ tiêu này không được điều tra trong Điều tra thử 1.*

(d) Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ

Khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra, không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

(e) Giá trị hàng xuất kho bằng triệu đồng

Trị giá hàng xuất kho được tính bằng cách nhân khối lượng hàng xuất kho với đơn giá như trong các hoá đơn (không gồm thuế VAT) và được đổi sang triệu đồng.

※ *Điều tra thử 1 hỏi chỉ tiêu doanh thu thuần.*

- Những doanh nghiệp nhỏ phải sử dụng số thập phân nếu sử dụng đơn vị tính là "tấn" hay "triệu đồng". Điều này là đúng với thực tế đối với những sản phẩm được sản xuất với khối lượng nhỏ.
- Giá trị hàng xuất kho được mặc định báo cáo bằng "triệu đồng" nhưng một số trường hợp vẫn báo cáo là "đồng" hoặc "nghìn đồng".
- Một số trường hợp viết lại đơn vị tính sử dụng nội bộ của họ vào phiếu điều tra.

Trong một số trường hợp, nhân viên TCTK phải quy đổi các số liệu được báo cáo bằng đơn vị tính khác sau khi đã kiểm tra phương pháp quy đổi với doanh nghiệp. Đồng thời, một số doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu lại báo cáo trị giá hàng xuất kho bằng đô la Mỹ. Những số liệu này đã được nhân viên Cục TK quy đổi sang đồng Việt Nam. Trên thực tế, Cục TK chịu trách nhiệm thực hiện sự quy đổi này giống như những trường hợp phải quy đổi trong Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng hiện nay.

(5) Hệ thống báo cáo con số

- Vị trí hay cách sử dụng dấu thập phân (ví dụ sử dụng dấu chấm và dấu phẩy) không thống nhất.
- Nguyên tắc giữ hai chữ số sau số thập phân không được tuân thủ và các doanh nghiệp thường để ba chữ số hoặc một chữ số (một số phiếu điều tra sử dụng các dấu thập phân khác nhau trong cùng một phiếu điều tra).

(6) Sản phẩm khác

Trên cơ sở giá trị, tỷ trọng của "Sản phẩm khác" chiếm từ 14-18% tổng giá trị nếu tính cả những biến động hàng tháng. Cần phải xem xét những điểm có liên quan đến nội dung: "Các sản phẩm khác" dưới đây.

1) Các sản phẩm được in trong phiếu điều tra lại bị báo cáo trong mục "Sản phẩm khác".

Bảng 3-5 thể hiện các ngành đã báo cáo những sản phẩm đã được in trong phiếu điều tra vào mục "Sản phẩm khác". Cụ thể, có nhiều trường hợp mà những người điền phiếu không đọc kỹ giải thích về sản phẩm và tên sản phẩm ở mặt sau và điền sản phẩm vào mục "Sản phẩm khác" mà không chú ý đến các sản phẩm bên trên.

Bảng 3-5 Các ngành chính với khối lượng lớn các sản phẩm khác

VSIC	Sản phẩm
1544	Mỳ ăn liền
1549	Thực phẩm khác
1810	May mặc
1920	Giày dép
2029	Đồ gỗ khác
2221	In
2519	Cao su khác

VSIC	Sản phẩm
2520	Chất dẻo
3110	Động cơ điện/máy phát điện
3130	Dây và cáp có bọc
3410	Xe có động cơ
3430	Phụ tùng xe có động cơ
3610	Đồ nội thất

4) Các chỉ tiêu khác

Cuối cùng, phiếu điều tra cũng yêu cầu điền chữ ký của người liên hệ và đại diện của doanh nghiệp, ngày ký để đảm bảo họ có trách nhiệm về số liệu thống kê.

3.1.4.2 Phiếu điều tra trong các cuộc Điều tra thử

(1) Khái quát về Phiếu điều tra

Phiếu điều tra là một tờ đơn gồm hai mặt và được thiết kế cho từng ngành công nghiệp. Mặt trước của phiếu in các câu hỏi và các ô trống để doanh nghiệp điền vào. Mặt sau là hướng dẫn điền phiếu điều tra. Tổng cộng có 40 phiếu điều tra cho Điều tra thử 1 và 48 phiếu cho Điều tra thử 2 đã được in và sử dụng.

Phiếu điều tra được in bằng giấy các bon gồm ba liên trong đó: Cục TK (liên màu trắng), TCTK (liên màu hồng) và lưu tại doanh nghiệp (liên màu vàng) (Hình 9). Trước đây phiếu điều tra chưa bao giờ dùng giấy các bon.

Mặt trước

Mặt trước in "các câu hỏi về doanh nghiệp," "các câu hỏi về sản phẩm," "các câu hỏi về Điều tra thử" và "các câu hỏi khác". Doanh nghiệp chỉ phải trả lời các câu hỏi này ("các câu hỏi về Điều tra thử" chỉ sử dụng trong Điều tra thử 1).

Các cột về sản phẩm cũng được in sẵn với tên sản phẩm và các ô dành cho người điền phiếu điền những sản phẩm khác không có trong danh mục sản phẩm. Phần này cung cấp các thông tin hữu ích cho việc điều chỉnh danh mục sản phẩm sau khi kết thúc Điều tra thử.

Mặt sau

"Hướng dẫn điền phiếu điều tra" và "mô tả chi tiết về sản phẩm" được in ở mặt sau của phiếu điều tra (liên thứ 3) để hạn chế những lỗi nhập tin bằng cách cung cấp những thông tin bổ sung về sản phẩm mà doanh nghiệp sẽ báo cáo.

Hình 3-9 Phiếu điều tra cho Điều tra thử (Ví dụ về Phiếu của Điều tra thử 2)

Mặt trước

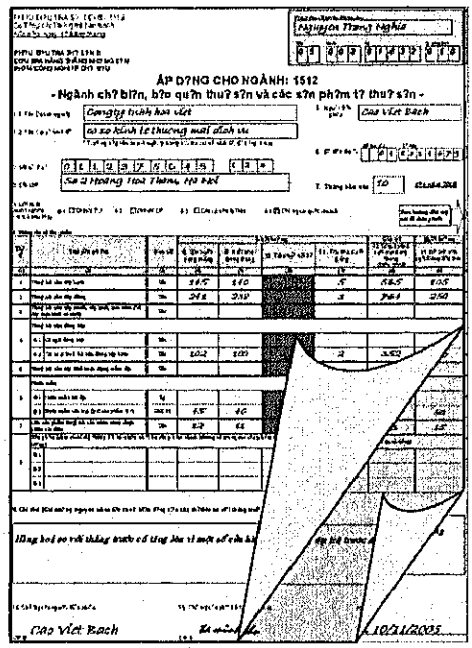

Mặt sau

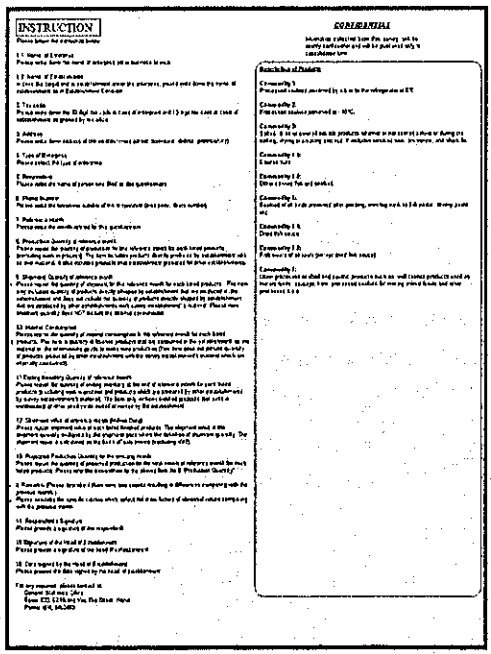

Bảng 3-6 Những phân loại doanh nghiệp chưa chính xác

Trường hợp	Phân ngành chưa chính xác			Phân ngành chính xác	
A	2693	Sản xuất gạch ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa	→	2691	Sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ dùng trong xây dựng).
A	2519	Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su	→	2520	Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic
B	3430	Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ	→	3591	Sản xuất mô tô, xe máy
B	1810	Sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú).	→	3610	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
A	2101	Sản xuất giấy nhăn và bao bì.	→	2102	Giấy nhăn
A	2109	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa	→	2101	Sản xuất giấy nhăn và bao bì.
A	2695	Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa	→	2694	Sản xuất xi măng, vôi, vữa
A	2811	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	→	2899	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.
B	2811	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	→	2710	Sản xuất sắt, thép

Những trường hợp phân ngành không chính xác có thể được phân thành hai trường hợp sau:

1) Chính xác ở phân ngành VSIC cấp 2 nhưng không chính xác ở phân ngành VSIC cấp 4 (Trường hợp A)

Đây là trường hợp mà doanh nghiệp đã chuyển sang sản xuất sản phẩm ở ngành công nghiệp khác và việc sản xuất sản phẩm này đã và đang tăng trưởng và trở thành sản phẩm chính của doanh nghiệp và điều này dẫn đến sự sai lệch. Một trường hợp khác cũng tương tự như trên nhưng sản phẩm được phân vào ngành khác không tăng trưởng nhưng lại rất giống với sản phẩm chính nên dẫn đến sự lẫn lộn và báo cáo nhầm.

2) Không chính xác ở phân ngành VSIC cấp 2 (Trường hợp B)

Đây là trường hợp một sản phẩm sử dụng nhiều hay ít cùng một nguyên vật liệu và chất lượng nhưng sản phẩm cuối cùng lại được phân vào ngành khác nên doanh nghiệp được phân vào ngành không chính xác.

Như đã trình bày ở trên, đó là những trường hợp mà phân ngành hiện tại không giống như phân ngành trước đây do rất nhiều lý do, Ở Việt Nam, vì nền công nghiệp biến đổi năng động và nhanh chóng nên nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thay đổi sản phẩm chính theo các điều kiện kinh tế. Điều này dẫn đến sự sai lệch giữa phân ngành của họ với những sản phẩm chính hiện đang sản xuất. Để giải quyết vấn đề này, TCTK và các Cục

(2) Các chỉ tiêu điều tra

Nhiều doanh nghiệp cho rằng điền phiếu điều tra không khó khăn gì vì các chỉ tiêu điều tra phần lớn được ghi chép trong hệ thống kế toán. Tuy nhiên, những vấn đề sau vẫn cần phải xem xét.

- Một số lượng tương đối lớn các phiếu điều tra không có số liệu tồn kho. Có thể điều này là do việc kiểm tra số liệu tồn kho hàng tháng là tương đối khó khăn đối với doanh nghiệp vì nhiều doanh nghiệp tiến hành kiểm kê tồn kho một hoặc hai lần trong một năm (Một số doanh nghiệp dường như đã viết những số liệu chưa chính xác và điều này đã dẫn đến số liệu tồn kho âm.).
- Tương tự, chỉ tiêu khối lượng dự tính sản xuất tháng tiếp theo cũng bị bỏ sót trong nhiều phiếu điều tra.

Điều này là do họ chưa từng phải báo cáo chỉ tiêu khối lượng tồn kho cho cơ quan thống kê.

(3) Sự cân bằng giữa các số liệu điền vào phiếu

Các lỗi bỏ sót và lỗi sai đã được kiểm tra cẩn thận. Trong quá trình kiểm tra, những vấn đề dưới đây đã được tìm ra:

- Trong khi số liệu về xuất kho được báo cáo là bằng "0" nhưng trị giá hàng xuất kho cho sản phẩm thì vẫn được báo cáo.
- Nhiều con số khó đọc vì viết tay không rõ ràng.
- Một số số liệu không chính xác do sự nhầm lẫn giữa dấu chấm và dấu phẩy của số thập phân hay để phân biệt hàng nghìn. (Ví dụ: khối lượng sản xuất được báo cáo bằng con số cực lớn)
- Nhiều số liệu bị bỏ sót trong các phiếu điều tra (ví dụ: chỉ số số liệu sản xuất được báo cáo).
- Số 0 được thể hiện bằng nhiều dạng bao gồm "-" và "0"

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp không điền các chỉ tiêu khối lượng tiêu thụ nội bộ hoặc "tồn kho cuối kỳ" hoặc chỉ điền "-" trong khi vẫn báo cáo chỉ tiêu khối lượng sản xuất và xuất kho. Mặc dù các cuộc hội thảo, cách sử dung số "0" đã được nhấn mạnh để tránh những phiền phức trong quá trình kiểm tra lỗi nhưng khá nhiều doanh nghiệp vẫn không thực hiện tốt hướng dẫn này.

(4) Đơn vị

Rất nhiều doanh nghiệp điều tra đã đặt câu hỏi về đơn vị tính vì họ thường sử dụng những đơn vị tính khác để quản lý sản phẩm và giao dịch thương mại so với các đơn vị tính quy định trong phiếu điều tra.

- Một số trường hợp lẫn lộn giữa "tấn" và "kg" cũng như giữa "1.000 chiếc" và "chiếc" (những lỗi này được tìm thấy một cách rõ ràng từ đơn giá quá cao hoặc quá thấp).

3.2.1.3 Phân tích kết quả nhập tin trong máy tính

Số liệu trong các phiếu điều tra do mỗi Cục Thống kê thu thập sẽ được nhập tin bằng máy tính tại các Cục TK. Phần này mô tả và đánh giá một cách cơ bản các kết quả liên quan đến nhập số liệu, phần mềm và lỗi số liệu.

(1) Nhập số liệu

- Vì các sản phẩm trong cột "Sản phẩm khác" thường được chấp nhận cho nhập tin mà không bị hỏi rằng liệu chúng có thuộc danh mục sản phẩm của cuộc điều tra hay không nên các sản phẩm trong mục này chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng trị giá xuất kho của mỗi ngành.
- Nhiều lỗi nhập tin do các dùng dấu thập phân, dấu chấm và dấu phảy.

Trên thực tế, các lỗi nhập tin thường là do cách mặc định dấu thập phân và phân biệt hàng nghìn truyền thống của Việt Nam. Ví dụ, "1,234.00" sẽ được dùng là "1.234,00" theo cách đánh số sử dụng rộng rãi ở Việt Nam và thường được nhập tin là "1.234" thay cho "1234 (cách đánh số trên máy tính)." Lỗi nhập tin này nên được kiểm tra cẩn thận trong quá trình nhập tin như so sánh với số liệu của tháng trước.

(2) Phần mềm nhập tin

Chương trình phần mềm được sử dụng nhập tin nhìn chung hoạt động tốt trong các cuộc Điều tra thử. Theo nhận xét của các nhân viên Cục TK tham gia nhập tin, chương trình này quen thuộc và dễ sử dụng. Cụ thể, sau Điều tra thử 2 với số địa bàn điều tra lên tới 9 tỉnh, thành phố, nhiều ý kiến từ các Cục TK đã được đưa ra liên quan đến phần mềm nhập tin:

- Thiết kế màn hình nhập tin tương tự như màn hình hiện đang sử dụng cho điều tra hàng tháng hiện nay và dễ sử dụng.
- Phần mềm cần bổ sung chức năng tìm kiếm doanh nghiệp theo mã quận, huyện và theo phân ngành VSIC. .
- Vì việc ghép nhiều file số liệu vào một file là khó nên họ thường gửi nhiều file lên để TCTK ghép.
- Khi xuất hiện lỗi, chương trình quay về màn hình ban đầu.
- Có một ngành công nghiệp mà chương trình không cho phép nhập tin vào ô "sản phẩm khác".
- Với một số Cục TK có sử dụng mạng LAN để kết nối các máy tính cá nhân, chương trình nên được nâng cấp để hỗ trợ việc chia sẻ dữ liệu và sẽ nâng cao khả năng sử dụng.

(3) Lỗi số liệu

Bằng cách sử dụng chức năng tự kiểm tra lỗi của chương trình nhập tin, hai vấn đề dưới đây đã được xác định.

- Chức năng kiểm tra lỗi cho các cuộc Điều tra thử đã xác định hai trường hợp lỗi số liệu như sau: "khối lượng hàng xuất kho bằng 0 trong khi giá trị hàng xuất kho vẫn được báo cáo" và ngược lại.

2) Nhiều cơ sở kinh tế đã nhận được phiếu điều tra không đúng với ngành nghề hoạt động và họ chắc chắn đã phân loại sản phẩm của mình vào "Các sản phẩm khác".

Trong nhiều phiếu điều tra, các doanh nghiệp chỉ báo cáo cho phần "Sản phẩm khác" mà không báo cáo cho phần sản phẩm được in sẵn. Khi phân tích các phiếu điều tra trên mới phát hiện ra rằng các sản phẩm trong "Sản phẩm khác" không thuộc ngành mà họ nhận được phiếu điều tra. Đây là kết quả của việc phát nhầm phiếu điều tra. Để hạn chế tình trạng này, cần phải cập nhật tốt danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và cần phải phát cho doanh nghiệp phiếu điều tra phù hợp.

3) Những ngành khác chưa được phân vào đâu

Đối với những ngành được định nghĩa dưới dạng "những ngành sản xuất sản phẩm khác chưa được phân vào đâu (thường được mặc định là "***9" trong phân ngành VSIC cấp 4)", doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) thường không sản xuất những sản phẩm in trong phiếu điều tra vì phạm vi của ngành đó rất rộng. Vì vậy, việc xác định sản phẩm chính cho những ngành đó rất khó khăn nên việc lựa chọn những ngành đó cần được xem xét.

Vì vậy, chỉ có một số ít các cơ sở kinh tế điền phiếu đúng như hướng dẫn đã trình bày trong hội thảo doanh nghiệp mặc dù một phần là do sự khác biệt trong nguyên tắc điền phiếu giữa Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng và các cuộc Điều tra thử. Vì vậy, việc kiểm tra và hướng dẫn của điều tra viên Cục TK và Phòng TK là rất quan trọng mặc dù còn nhiều yếu tố tác động khác làm ảnh hưởng đến chất lượng điền phiếu như sự tiến hành song song với Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng cũng như sự thiếu kinh nghiệm trong việc điền phiếu do kỳ điều tra ngắn.

(7) Phân ngành cho doanh nghiệp chưa chính xác

Về nguyên tắc, doanh nghiệp được phân ngành theo sản phẩm chính (sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu). Tuy nhiên, khi phân tích các phiếu điều tra thu được, rất nhiều trường hợp được phát hiện ra chưa được phân ngành chính xác. Bảng 3-6cho thấy những ngành mà doanh nghiệp thường bị phân loại không chính xác.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng doanh nghiệp thấy dễ điền phiếu hơn khi họ đã quen với phiếu điều tra trong thời kỳ điều tra.

(3) Trong toàn bộ thời kỳ điều tra, rất nhiều doanh nghiệp thể hiện mong muốn sử dụng số liệu điều tra. Trong số 490 doanh nghiệp trả lời phiếu điều tra tháng 10, 391 doanh nghiệp (79.8%) trả lời rằng họ muốn có số liệu điều tra. Trong 487 doanh nghiệp tháng 11, 365 doanh nghiệp (75.0%) muốn sử dụng kết quả điều tra, thấp hơn một chút so với tháng 10. Trong tháng 12, 385 trong số 488 doanh nghiệp, (78.9%) trả lời muốn sử dụng, cao hơn tháng trước

Vì vậy, có thể khẳng định rằng nhu cầu sử dụng số liệu thống kê trong tương lai là rất lớn.

3.2.2 Công bố số liệu

3.2.2.1 Phương pháp công bố

Điều tra thử 2 được thiết kế để xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc công bố kết quả của điều tra chính thức và để thực hành công bố số liệu trong quá trình phát triển chỉ số. Trong giai đoạn điều tra chính thức, việc công bố dự kiến được thực hiện theo phương pháp sau:

1) Thống kê sản xuất thường xuyên được công bố dạng báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức. Báo cáo tạm thời được công bố vào cuối tháng sau tháng báo cáo và báo cáo chính thức được công bố vào một tháng nào quy định trong năm (chưa quyết định).
2) Cả báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức về thống kê sản xuất thường xuyên cấp toàn quốc và các chỉ số được công bố trên trang Web của TCTK và các báo cáo bằng văn bản.
3) Việc công bố chính thức lần đầu tiên sẽ được thực hiện sau khi áp dụng chính thức thống kê sản xuất thường xuyên theo Quyết định của Thủ tướng khoảng một tháng (dự kiến áp dụng từ tháng 2 năm 2007)
4) Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK sẽ tiến hành công bố số liệu lên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi báo cáo cho các đơn vị cụ thể (Các Uỷ ban nhân dân và các Bộ ngành tham gia hoạch định chính sách kinh tế).
5) Cả báo cáo tạm thời và báo cáo chính thức được công bố bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Trong Điều tra thử 2, việc công bố không chính thức sẽ được thực hiện để xây dựng kỹ thuật công bố cho TCTK và công bố kế quả điều tra trên trang Web cũng như trên văn bản dưới hình thức thử nghiệm để rút kinh nghiệm thực tế.

3.2.2.2 Nội dung công bố

IIP được tính toán và công bố dựa trên số liệu thu được từ các cuộc điều tra. Nội dung công bố trong cuộc điều tra chính thức dự kiến như sau:

TK đã tiến hành kiểm tra và điều chỉnh phân ngành của các doanh nghiệp điều tra trên cơ sở định kỳ khi tiến hành điều tra hàng tháng.

(8) Phân phát nhiều mẫu phiếu điều tra

Ngoài những sản phẩm chính, một số doanh nghiệp còn sản xuất các sản phẩm có giá trị sản xuất lớn xấp xỉ các sản phẩm chính. Đây là một tình trang thường gặp ở các daonh nghiệp sản xuất thành phẩm ở các phân ngành tương tự như thực phẩm và đồ uống, dệt và may, giấy và in, các phương tiện tham gia giao thông và phụ tùng như trình bày trong Bảng 3-7.

Vì những trường hợp này có thể dẫn tới sự thay đổi trong sản phẩm chính do sự thay đổi trong các điều kiện kinh tế và các nhân tố khác, việc sử dụng hai hay nhiều hơn các mẫu phiếu điều tra là điều cần thiết để đảm bảo và cải thiện độ tin cậy của số liệu.

Bảng 3-7 Những ngành cần cân nhắc để phát nhiều mẫu phiếu điều tra

Phân ngành của sản phẩm chính			Phân ngành xem xét để phát thêm phiếu điều tra	
1533	Thức ăn gia súc	→	1544	Mỳ ăn liền
1542	Đường	→	2412	Phân bón
1542	Đường	→	2029	Gỗ ván
1553	Bia	→	1554	Nước đóng chai
1711	Dệt và se sợi	→	1810	May mặc
2102	Giấy nhăn	→	2221	In
2221	In	→	2520	Chất dẻo
3410	Xe có động cơ	→	3430	Phụ tùng và phụ kiện xe có động cơ

(9) Những chỉ tiêu không phải điền

Một số ngành không yêu cầu phải điền một số chỉ tiêu trong phiếu điều tra (như tồn kho hay tiêu thụ nội bộ). Những chỉ tiêu này được tô đậm bằng màu xám để cho biết không cần điền vào. Tuy nhiên, khi phân tích phiếu điều tra thu được, có một số doanh nghiệp ở một số ngành vẫn điền vào những cột không yêu cầu điền phiếu. Những thông tin này sẽ được sử dụng để xem xét và điều chỉnh phiếu điều tra trong quá trình chuẩn bị cho điều tra chính thức.

1) Những ngành không nên yêu cầu điền cột "tiêu thụ nội bộ" vì chỉ tiêu này không hề được báo cáo trong các phiếu điều tra thu thập được

- 2422: Ngành sản xuất sơn, véc in và các chất sơn quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít.

2) Những ngành mà cột "tiêu thụ nội bộ" được tô đậm vì không yêu cầu báo cáo trong phiếu điều tra nhưng một số doanh nghiệp vẫn điền khối lượng tiêu thụ nội bộ nên cần phải xem xét và quyết định lại.

- 1512: Chế biến bảo quản thuỷ sản và sản phẩm từ thuỷ sản
- 3410: Ngành sản xuất xe có động cơ

số xuất kho, chỉ số tồn kho cuối kỳ, danh sách sản phẩm góp phần vào sự tăng trưởng hay suy giảm của chỉ số sản xuất

3.3 Những bài học rút ra từ kết quả các cuộc Điều tra thử

Dựa trên kết quả của các cuộc Điều tra thử, những vấn đề chính cần phải chú trọng khi thiết kế và thực hiện điều tra chính thức được liệt kê trong Bảng 3-8.

- Trong một số trường hợp, giá xuất kho giữa các tỉnh có sự chênh lệch lớn.

Đối với các cuộc Điều tra thử, chương trình được mặc định để thông báo lỗi khi giá xuất kho vượt quá ba lần hay thấp hơn 1/3 giá xuất kho trung bình trong một tỉnh. Tuy nhiên, việc so sánh giá xuất kho của một số sản phẩm giữa các tỉnh cho thấy sự chênh lệch rất lớn. Có thể nguyên nhân bắt nguồn từ lỗi điền phiếu hay lỗi nhập tin liên quan đến giá trị bằng tiền tệ hay đơn vị tính. Vì vậy, việc kiểm tra chi tiết phiếu điều tra là một yêu cầu bắt buộc.

3.2.1.4 Phân tích các kết quả khác

Trong Điều tra thử 1, các doanh nghiệp còn được điều tra để tìm hiểu "Thời gian cần thiết để hoàn thành phiếu điều tra", "Độ khó dễ khi điền phiếu điều tra" và "Mong muốn sử dụng kết quả điều tra". Kết quả phân tích được tình bày dưới đây.

(1) Thời gian cần thiết để điền phiếu điều tra

Trong tháng 10, thời gian trung bình điền phiếu điều tra của doanh nghiệp là 9,9 giờ. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước Trung ương là 12,6 giờ, doanh nghiệp Nhà nước địa phương là 10,3 giờ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 7,9 giờ và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 10,4 giờ.

Tháng 11, thời gian trung bình điền phiếu điều tra của doanh nghiệp là 9,0 giờ, thấp hơn một chút so với tháng 10. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước Trung ương là 11,7 giờ, doanh nghiệp Nhà nước địa phương là 7.2 giờ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 5.7 giờ và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 11.2 giờ.

Tháng 12, thời gian trung bình điền phiếu điều tra của doanh nghiệp giảm xuống còn 8.2 giờ. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước Trung ương là 10.1 giờ, doanh nghiệp Nhà nước địa phương là 7.1giờ , doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 4.7 giờ và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 10.5 giờ.

Rõ ràng là, thời gian hoàn thành phiếu sẽ giảm dần khi doanh nghiệp đã quen với Phiếu điều tra trong toàn bộ thời kỳ điều tra. Đồng thời, một lý do khiến các Doanh nghiệp Nhà nước mất nhiều thời gian cho việc nhập tin là do các vấn đề trong khâu tổ chức, đặc biệt là vấn đề mang tính quy trình

(2) Độ khó dễ khi điền phiếu điều tra

Trong suốt kỳ điều tra, hầu hết các doanh nghiệp đều nhận xét rằng việc điền phiếu điều tra rất dễ dàng. Trong số 490 doanh nghiệp trả lời phiếu tháng 10, 388 doanh nghiệp (79.2%) cho rằng phiếu điều tra dễ trả lời. Tháng 11, trong số 487 doanh nghiệp điền phiếu, 395 doanh nghiệp(81.1%); và 400 trong số 488 doanh nghiệp trả lời tháng 12 (82.0%) cho rằng phiếu điều tra dễ điền.

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Nhập tin	Phân tích số liệu nhập tin cho thấy nhiều lỗi nhập tin do sự thiếu nhất quán trong cách đánh số và phân biệt các số hàng nghìn (điều này làm số liệu tăng hay giảm gấp nghìn lần)	Các số liệu điền trong phiếu điều tra thường sử dụng hệ thống đánh số của Việt Nam để phân biệt hàng nghìn (sử dụng dấu phảy để biểu thị dấu thập phân và dấu chấm để biểu thị đơn vị nghìn) khiến nhân viên nhập tin bị nhầm lẫn. Cần đưa ra các phương pháp hiệu quả để loại bỏ lỗi này.	Vì cách đánh số được sử dụng giữa các doanh nghiệp là khác nhau nên khó có thể thuyết phục sử dụng một phương pháp cho tất cả các doanh nghiệp. Vì vậy, điều tra viên nên kiểm tra số liệu cẩn thận với người điền phiếu để tránh hiểu lầm. Cục Thống kê cần hướng dẫn cụ thể cho các điều tra viên.
	Trong nhiều phiếu điều tra, các chỉ tiêu khối lượng được nhập bằng các con số nhưng một số chỉ tiêu khác bị bỏ sót và đánh dấu bằng "- ". Trong trường hợp này, phần mềm nhập tin sẽ hiểu là số "0" và điều này rất khó để phân biệt với giá trị bằng 0.	Cần phải phân biệt rõ mỗi cách nhập đó biểu hiện là bỏ sót hay không có giá trị để nâng cao tính chính xác của số liệu.	Điều tra viên cần yêu cầu nhập tin vào tất cả các mục cần nhập kể cả khi không có giá trị và kiểm tra lại và nếu chỉ tiêu đó không có giá trị, trong cơ sở dữ liệu cần điền là "0".
Công bố	Một số sản phẩm chỉ được sản xuất tại duy nhất một doanh nghiệp như ở ngành VSIC3000 (thiết bị văn phòng).	Sản phẩm được sản xuất tại duy nhất một doanh nghiệp hay nhiều doanh nghiệp cần được kiểm tra.	Sản phẩm áp dụng trong MSMIP cần được kiểm tra cùng với số lượng các nhà sản xuất. Đối với việc công bố số liệu trong tương lai, phương pháp công bố số liệu theo sản phẩm cần được xem xét.

< Thiết kế phiếu điều tra >

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Thông tin cơ bản	Trong nhiều phiếu điều tra, các thông tin cơ bản như mã số thuế, địa chỉ, điện thoại, tên người liên hệ bị bỏ sót	Vì những thông tin trên là cần thiết cho việc cập nhật danh sách chủ các doanh nghiệp nên cần phải hướng dẫn để tránh bỏ sót hay nhập tin nhầm (nhập tên và địa chỉ khác đăng ký trong cơ sở dữ liệu)	Cần phải đảm bảo rằng các điều tra viên đã hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp điều tra và kiểm tra cẩn thận khi thu phiếu.
Chỉ tiêu điều tra	Nhiều doanh nghiệp có vẻ lẫn lộn vì trong các cuộc điều tra trước đây, chỉ tiêu tồn kho cuối kỳ chưa bao giờ được hỏi nên họ đã nhập "0" hoặc "-".	Cuộc điều tra cũng cho thấy rằng nhiều doanh nghiệp đã lưu kho sản phẩm hàng tháng	Điều tra viên nên giải thích về tầm quan trọng của việc quản lý tồn kho cho doanh nghiệp khi tổ chức hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp hay phân phát phiếu điều tra.

1)Báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức sẽ công bố số liệu của khoảng 50 sản phẩm chủ yếu có vai trò quan trọng trong việc đánh giá xu hướng công nghiệp của đất nước. Những sản phẩm này được lựa chọn từ danh mục sản phẩm của các ngành điều tra.
2)Công bố IIP bao gồm các chỉ số sản xuất, xuất kho và tồn kho được tính toán từ số liệu của tất cả các sản phẩm thuộc các ngành điều tra. Ngoài ra còn công bố chỉ số sản xuất và chỉ số sản xuất dự tính có sử dụng quyền số giá trị sản xuất để đối tượng dùng tin tham khảo.
3)Nội dung công bố bao gồm mô tả và phân tích ngành và các xu hướng khác ngoài số liệu và chỉ số.
4)Những số liệu thống kê có ảnh hưởng đến tính bảo mật sẽ không được công bố.

Các chỉ số đã được tính toán cho từng sản phẩm (từng ngành) trong Điều tra thử 2 với kỳ gốc là tháng 10 năm 2005.

3.2.2.3 Quy trình công bố

Quy trình công bố thống kê chính thức sẽ tuân thủ các bước dưới đây. Trong Điều tra thử 2, việc công bố được tiến hành như một thử nghiệm cho điều tra chính thức.

1)Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK xử lý số liệu thống kê cấp toàn quốc và tính toán IIP.
2)Cả báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức sẽ được công bố sau khi được TCTK phê chuẩn.
3)Việc công bố trên trang Web của TCTK sẽ do Phòng phụ trách phát triển trang Web thực hiện.
4)Việc xem xét và điều chỉnh các ngành và sản phẩm điều tra để phản ánh sự thay đổi trong các hoạt động công nghiệp được tiến hành 5 năm một lần.

Quy trình công bố trên đây sẽ được thực hiện trong điều tra chính thức. Trên thực tế, quy trình này đã được thử nghiệm trong Điều tra thử 2 với chú thích rằng kết quả điều tra chỉ để tham khảo.

3.2.2.4 Công bố trên trang Web

Ví dụ công bố kết quả điều tra trên Trang Web của TCTK trong Điều tra thử lần 2 được trình bày trong Hình 3-12. Nội dung công bố như sau (được cập nhật hàng tháng).

1)Tổng quát về cuộc điều tra
2)Mục đích
3)Nội dung
4)Kết quả

Kết quả điều tra được công bố trong dạng thức PDF (hoặc Word/Excel) để cho phép đối tưởng sử dụng có thể tải được. Các chỉ số được công bố bao gồm chỉ số sản xuất theo ngành, chỉ

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Đơn vị	Trong một số phiếu điều tra, các doanh nghiệp đã báo cáo bằng cách sử dụng đơn vị tính khác với đơn vị tính đã quy định và in sẵn trong phiếu điều tra.	Những lỗi dưới đây đã được phát hiện ra. - Sự lẫn lộn giữa "tấn" và "kg" hay giữa "1.000 chiếc" và "chiếc" (lẫn lộn giữa các phương pháp đánh số). - Doanh nghiệp nhỏ phải dùng số thập phân nếu áp dụng đơn vị tính là "tấn" hay "triệu đồng". Điều này đúng với những sản phẩm sản xuất với khối lượng nhỏ. - Một số doanh nghiệp sử dụng đơn vị tính nội bộ bằng cách viết lại đơn vị đã in trong phiếu điều tra. Vì vậy, cần sử dụng những đơn vị tính được đông đảo doanh nghiệp chấp nhận.	Cần xem lại đặc điểm hoạt động sản xuất theo ngành bằng cách phân tích các phiếu điều tra đã thu thập và số liệu cũng như các đơn vị tính tối thiểu mà các doanh nghiệp điều tra áp dụng. Đồng thời, các điều tra viên cần kiểm tra cụ thể khi thu phiếu.
	Trị giá hàng xuất kho nên được báo cáo bằng tiền Việt Nam. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp đã sử dụng đồng đô la Mỹ và được doanh nghiệp hay điều tra viên Cục Thống kê quy đổi bằng tỷ giá hối đoái họ tự chọn.	Nguyên tắc quy đổi (được thực hiện bởi Cục Thống kê, vv) không được thông báo cho các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và các điều tra viên.	Phiếu điều tra nên được thiết kế lại để cho phép báo cáo bằng đồng tiền mà doanh nghiệp chọn, đồng Việt Nam hay đô la Mỹ, theo nguyên tắc kế toán của doanh nghiệp và yêu cầu Cục Thống kê quy đổi bằng một tỷ giá thống nhất.
Hệ thống đánh số	Không có một nguyên tắc thống nhất về cách đánh số như sử dụng dấu phảy và dấu chấm và nguyên tắc phân biệt hàng nghìn hay dấu thập phân và điều này đã gây ra lỗi điền phiếu hay lỗi nhập tin.	Đối với các số thập phân lẻ, nguyên tắc làm tròn tại chữ số thứ hai sau dấu thập phân đã không được tuân thủ chặt chẽ.	Sau khi phân tích phiếu điều tra và số liệu, đơn vị đánh số có thể nên thay đổi để cho phép ghi toàn bộ con số. Đồng thời, tập trung vào khối lượng sản xuất của từng sản phẩm. Các điều tra viên cần hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp điều tra.
Sản phẩm khác	5% - 25% trị giá hàng xuất kho là từ "Sản phẩm khác" tuỳ theo từng tỉnh. Lý do chính là các điều tra viên và doanh nghiệp nhanh chóng phân sản phẩm không có tên trên danh sách vào mục sản phẩm khác mà không kiểm tra kỹ những sản phẩm in sẵn (ví dụ: cùng một sản phẩm nhưng tên gọi khác nhau). Đồng thời, có nhiều trường hợp do phân ngành sai đã dẫn đến việc doanh nghiệp không thể báo cáo vào các sản phẩm in sẵn.	Điều tra viên và doanh nghiệp không quen với điều tra thống kê dựa trên sản phẩm. Đồng thời, việc cập nhật phân loại ngành nên được tiến hành định kỳ.	Dựa vào kết quả phân tích phiếu điều tra ta thấy việc hướng dẫn mô tả sản phẩm và quy trình nhập tin cần được tiến hành lại tại mỗi Cục Thống kê. Cần xây dựng một hệ thống để đảm bảo cập nhật danh sách doanh nghiệp tương ứng với bất kỳ thay đổi nào trong phân ngành công nghiệp.

Bảng 3-8 Các bài học rút ra từ Kết quả các cuộc Điều tra thử và các khuyến nghị để cải thiện

< Phương pháp điều tra>

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Hệ thống điều tra	Trong các cuộc Điều tra thử, hạn thu thập phiếu điều tra được ấn định vào ngày 12 hàng tháng. Tỷ lệ thu phiếu cuối cùng tại tất cả các Cục TK đều rất cao nhưng tỷ lệ thu phiếu tính đến ngày 12 của một số Cục TK chỉ đạt dưới 50%.	Khi xem xét nhu cầu công bố số liệu hàng tháng và đảm bảo độ tin cậy của số liệu, việc đạt được tỷ lệ thu phiếu cao và đúng hạn là điều vô cùng quan trọng. Vì các cuộc Điều tra thử được áp dụng cho các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) ở những địa bàn công nghiệp hoá cao như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Bình Dương.. và khối lượng công việc của các điều tra viên rất lớn (số doanh nghiệp điều tra mà một điều tra viên phụ trách). Khối lượng công việc còn lớn hơn khi tiến hành song song với điều tra thống kê hiện nay. Dự kiến khối lượng công việc của họ sẽ giảm xuống khi MSMIP được thay thế điều tra hiện nay nhưng các phương pháp hiệu quả cần được áp dụng để cân bằng khối lượng công việc và xây dựng một hệ thống đảm bảo việc thu thập phiếu điều tra đúng hạn.	Hiện tại, nhân viên Cục TK chịu trách nhiệm thu thập phiếu từ các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, để cân bằng khối lượng công việc, việc phân bố lại công việc cho các nhân viên Phòng Thống kê (chịu trách nhiệm các doanh nghiệp ngoài quốc doanh) cần được xem xét khi cần thiết. Đồng thời, các điều tra viên không nên dựa vào hệ thống báo cáo tự nguyện mà nên thoả thuận với doanh nghiệp về ngày nộp phiếu.
Thu thập	Vì phiếu điều tra yêu cầu phải có chữ ký của người đứng đầu cơ sở kinh tế (giám đốc) nên đôi khi để lấy chữ ký là mất thời gian mặc dù phiếu điều tra đã hoàn thành tương đối sớm. Điều này cũng gây ra hiện tượng chậm nộp phiếu điều tra.	Việc thu thập phiếu sẽ được thực hiện nhanh hơn bằng cách chấp nhận chữ ký của người điền phiếu (thường là kế toán) hoặc người phụ trách (kế toán trưởng).	Việc phê duyệt của phụ trách là cần thiết để đảm bảo độ tin cậy của số liệu. Vì vậy, nên yêu cầu chữ ký của người phụ trách người điền phiếu nếu không có chữ ký của giám đốc. Cần thông báo điều này cho người điền phiếu.
Kiểm tra	Các điều tra viên thường không thể kiểm tra kỹ phiếu khi thu thập và xác nhận với doanh nghiệp cũng như điều chỉnh những lỗi điền phiếu có thể có như bỏ sót, không nhất quán giữa số liệu điền vào và chỉ tiêu điều tra, lỗi đơn vị tính và cách đánh số, lỗi điền nhầm và "Sản phẩm khác" do không hiểu danh mục sản phẩm cũng như phân ngành. Điều này thường xảy ra mặc dù đã tổ chức các cuộc hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp.	Nhiều điều tra viên bận rộn do phải xử lý đồng thời hai cuộc điều tra (Điều tra thử và điều tra hiện tại) nên không đủ thời gian để kiểm tra kỹ phiếu. Đồng thời, tài liệu hướng dẫn này cũng khác với tài liệu hướng dẫn điều tra hiện nay. Vì vậy, hệ thống và tổ chức điều tra cần được xem xét và điều chỉnh để cải thiện tình hình.	Trưởng Phòng ở Cục TK nên hướng dẫn các điều tra viên kiểm tra phiếu điều tra theo tài liệu hướng dẫn đồng thời kiểm tra phiếu điều tra định kỳ và cung cấp hướng dẫn nếu cần thiết.

< Danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) >

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Phân ngành công nghiệp	Có rất nhiều trường hợp phân ngành công nghiệp và mẫu phiếu điều tra phát ra là khập khiễng. Một số doanh nghiệp đã bị phân ngành sai trong danh sách doanh nghiệp của TCTK	Trong điều tra hiện nay, một mẫu phiếu diều tra được áp dụng cho tất cả các ngành và việc phân ngành sai không ảnh hưởng đến việc điền phiếu và thu phiếu. Tuy nhiên, với MSMIP, những mẫu phiếu khác nhau được phân phát cho các ngành khác nhau nên việc phân ngành cần phải được thực hiện chính xác và được phản ánh trong mỗi phiếu điều tra.	Khi danh sách các doanh nghiệp điều tra cho MSMIP được lập dựa trên danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) trong cơ sở dữ liệu của TCTK, phân ngành cho mỗi doanh nghiệp cần được xác nhận thông qua Cục Thống kê. Đồng thời, số liệu sản xuất của mỗi doanh nghiệp cần được kiểm tra định kỳ để cập nhật cơ sở dữ liệu. Khả năng phân phát nhiều phiếu điều tra cho các doanh nghiệp có nhiều sản phẩm chính cũng được xem xét khi tiến hành điều tra chính thức để đảm bảo điều tra chính xác đối với mỗi ngành
Phân phát nhiều phiếu điều tra	Các sản phẩm được sản xuất tại một số doanh nghiệp ngoài các sản phẩm chính nhưng có giá trị sản xuất lớn sau những sản phẩm chính. Các trường hợp này dẫn đến sự thay đổi trong các sản phẩm chính để thay thế các sản phẩm chính trong phân ngành trên cơ sở dữ liệu của TCTK	Nếu một phiếu điều tra phát cho một doanh nghiệp, số liệu về sản phẩm được phân vào ngành khác với khối lượng sản xuất lớn sẽ không thể được thống kê. Đồng thời, cần xây dựng một hệ thống điều chỉnh để phát phiếu điều tra phù hợp khi một sản phẩm ở phân ngành khác lại trở thành sản phẩm chính.	Nếu MSMIP sử dụng một phiếu điều tra cho một doanh nghiệp, cần xây dựng một hệ thống xác định sản phẩm chính một cách thường xuyên và chính xác. Đồng thời, cần kiểm tra lại khả năng phát nhiều mẫu phiếu cho một doanh nghiệp và nếu có thể, cần xây dựng một hệ thống xác định các tiêu chuẩn lựa chọn (ví dụ: Một ngành mà trong đó sản phẩm được sản xuất bởi một doanh nghiệp đã chiếm một tỷ lệ phần trăm nhất định trong tổng giá trị sản xuất). Trong điều tra dựa trên sản phẩm, các sản phẩm cần phải xác định càng cụ thể càng tốt.

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
	Đối với một số ngành, một số chỉ tiêu đã được tô đậm để biểu thị rằng không cần điền vào chỉ tiêu đó như tồn kho cuối kỳ hay tiêu thụ nội bộ nhưng một số doanh nghiệp vẫn điền vào. Đồng thời, một số chỉ tiêu này, khi được yêu cầu điền, lại không có một doanh nghiệp nào điền vào.	Việc không điều tra một số chỉ tiêu được quyết định dựa trên các hoạt động sản xuất của một số ngành cụ thể. Tuy nhiên, một số trường hợp thì điều này không đúng và nằm ngoài dự đoán. Vì vậy, phương pháp và chỉ tiêu lựa chọn các chỉ tiêu không cần điều tra cần được xem xét và điều chỉnh.	Dựa trên kết quả các cuộc Điều tra thử, việc xem xét cần được tiến hành bằng việc xác nhận với các doanh nghiệp điều tra và các tổ chức thương mại. Đồng thời, nhiều ngành cần được điều chỉnh những chỉ tiêu điều tra trước khi tiến hành cuộc điều tra dựa trên những thông tin từ cơ sở kinh tế và các tổ chức thương mại trước khi tiến hành cuộc điều tra. Bất kỳ sự thay đổi nào cũng được phản ánh vào phiếu điều tra mới được bắt đầu từ Tháng 1 hàng năm
Sản phẩm	Nhiều sản phẩm được báo cáo trong cột "Sản phẩm khác"	Báo cáo vào mục "Sản phẩm khác" do những nguyên nhân sau: - Trong các cuộc điều tra trước, doanh nghiệp được yêu cầu viết ra các sản phẩm của họ nên họ không quen cách báo cáo vào các sản phẩm được in sẵn. - Mô tả của một số sản phẩm không cụ thể và dễ hiểu. - Một sản phẩm sản xuất bởi một doanh nghiệp tương tự như sản phẩm trong danh sách in sẵn nhưng tên gọi khác nhau dẫn đến hiểu nhầm.	Điều tra viên cần được hướng dẫn chi tiết để có thể giải thích chính xác về sản phẩm cho các doanh nghiệp điều tra. Điều này giúp điều tra viên tìm ra và ngăn được các lỗi điền phiếu trong quá trình kiểm tra. Vì mục đích này, TCTK và các Cục TK nên tiến hành đào tạo định kỳ. Trong tương lai, danh mục sản phẩm sẽ được điều chỉnh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp song song với việc lựa chọn và điều chỉnh sản phẩm bằng phân tích các ý kiến trong năm trước, loại bỏ các chỉ tiêu không có doanh nghiệp báo cáo và phân loại lại để đảm bảo nhiều doanh nghiệp sẽ báo cáo được.

4. Kế hoạch Phát triển Thống kê sản xuất thường xuyên

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Thiết kế	Phiếu điều tra gồm ba trang thường làm bản thứ ba không rõ ràng khi điền phiếu không mạnh tay. Đồng thời, việc phân phát và thu thập phiếu cũng mất nhiều thời gian hơn.	Vì phiếu điều tra ba liên không được sử dụng ở các cuộc điều tra trước đây nên một số điều tra viên và doanh nghiệp không biết cách sử dụng	Sau các cuộc Điều tra thử, phiếu điều tra một liên sẽ được sử dụng và Cục Thống kê sẽ lưu giữ phiếu đó.

4. Kế hoạch Phát triển Thống kê sản xuất thường xuyên

4.1 Tổng quát về Kế hoạch Phát triển Thống kê sản xuất thường xuyên

4.1.1 Nguyên tắc Thiết kế

Hiện tại, TCTK đang thực hiện "Điều tra Chọn mẫu hàng tháng"[*1] nhằm đánh giá xu hướng phát triển kinh tế. Cuộc điều tra thống kê này diễn ra trên phạm vi toàn quốc bao gồm các ngành công nghiệp khai khoáng, chế biến, và các ngành cung cấp điện, nước và khí đốt. Mục đích chính của cuộc điều tra thống kê này là chỉ ra các xu hướng kinh tế vĩ mô nhưng không chi tiết đến các hoạt động sản xuất, đặc biệt là các ngành và sản phẩm. Trong khi đó, thống kê sản xuất thường xuyên thực hiện theo dự án Nghiên cứu lại tập trung vào phản ánh xu hướng kinh tế vi mô và kết hợp các xu hướng công nghiệp vĩ mô để có những đánh giá ở cấp vi mô. Vì thế, nguyên tắc xây dựng "thống kê sản xuất thường xuyên" xây dựng một hệ thống cho phép hiểu rõ về các hoạt động sản xuất dựa trên khối lượng sản phẩm và cung cấp các dữ liệu, thông tin về hoạt động sản xuất công nghiệp tại Việt Nam một cách chính xác. Phương pháp này không chỉ hữu ích đối với các nhà hoạch định chính sách mà cả các doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư và mục đích cuối cùng là thúc đẩy phát triển công nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

Trong khi đó, có rất nhiều nhu cầu sử dụng thống kê sản xuất thường xuyên ở cấp địa phương. Đây được xem như nguồn thông tin cơ bản có thể sử dụng để phân tích kinh tế theo từng địa bàn. Vì thế, nó trở thành công cụ đắc lực trong quản lý và hoạch định chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu ở các địa phương một cách hiệu quả. Nhìn chung, mục đích chủ yếu của thống kê sản xuất thường xuyên là xây dựng dữ liệu phản ánh đặc điểm của các ngành và sản phẩm được công bố. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu sử dụng thống kê ở cấp địa phương, kế hoạch phát triển thống kê sản xuất thường xuyên ở Việt Nam phải đặt ra phương án có tính đến nhu cầu xử lý dữ liệu cấp vùng hay theo cấp tỉnh. Cụ thể, các nguyên tắc sau đã được đặt ra:

(1) Thực hiện các cuộc điều tra định lượng trên cơ sở sản phẩm
(2) Báo cáo các hoạt động sản xuất hàng tháng và các xu hướng của "ngành công nghiệp Việt Nam"[*2] một cách tin cậy và kịp thời.
(3) Xây dựng số liệu thống kê sản xuất thường xuyên có khả năng so sánh quốc tế;
(4) Tổng hợp và công bố dữ liệu thống kê theo cấp toàn quốc và địa phương (đơn vị hành chính);

[*1] Điều tra chọn mẫu hàng tháng của TCTK thực hiện điều tra với tất cả các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và điều tra chọn mẫu các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ cá thể".

[*2] Định nghĩa "Công nghiệp" của Việt Nam bao gồm 3 ngành theo VSIC cấp hai (tương đương với các ngành nhỏ theo ISIC), đó là "ngành khai khoáng", "ngành công nghiệp chế biến" và "ngành cung cấp dịch vụ điện - nước - gas". Định nghĩa "công nghiệp" áp dụng thích hợp vào kế hoạch này.

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Đào tạo và tuyên truyền	Các doanh nghiệp biết rất ít về thống kê sản xuất thường xuyên.	Vì kết quả của điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng không được công bố rộng rãi nên nhiều doanh nghiệp không biết gì về vấn đề công bố.	Trong Điều tra thử 1, qua kết quả trong phiếu điều tra, khoảng 79% các doanh nghiệp điều tra bày tỏ mong muốn sử dụng kết quả điều tra. Cần phải mở rộng phạm vi công bố bằng cách tuyên truyền rộng rãi Điều tra Chọn mẫu công nghiệp hàng tháng và kết quả điều tra trên báo chí và các phương tiện khác.

(2) Vai trò của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng – TCTK, của các Cục TK và Phòng TK quận/huyện

Như đã giải thích ở phần trước, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng là đơn vị chủ trì tại TCTK và chịu trách nhiệm xây dựng một hệ thống thống kê dựa trên các đơn vị, nhân viên và nguồn lực lực khác của Cục TK và Phòng TK quận/huyện. Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, các Cục Tk và các Phòng Tk quận/huyện sẽ đảm trách những nhiệm vụ sau.

Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng – TCTK

1) Lập kế hoạch và thiết kế điều tra "thống kê sản xuất"
2) Xây dựng phiếu điều tra và tài liệu hướng dẫn, phân phát phiếu điều tra tới các Cục TK
3) Hướng dẫn điều tra viên của các Cục Tk và Phòng Tk quận/huyện
4) Giám sát các hoạt động điều tra thực tế
5) Tổng hợp dữ liệu lần cuối và phân tích dữ liệu thống kê
6) Công bố số liệu
7) Điều chỉnh ngân sách liên quan đến điều tra thống kê sản xuất thường xuyên

Các Cục Tk

1) Giới thiệu và hướng dẫn các đối tượng điều tra (các cơ sở kinh tế) nằm trong địa bàn của tỉnh/Tp
2) Phân phát và thu thập phiếu điều tra
3) Kiểm tra các phiếu điều tra đã thu thập
4) Nhập dữ liệu vào máy tính và tổng hợp
5) Phân tích và biên soạn dữ liệu sẽ được công bố theo cấp tỉnh/Tp
6) Quản lý việc công bố số liệu ở cấp tỉnh/Tp
7) Quản lý công việc liên quan tới các điều tra viên

Phòng Tk quận/huyện

Các Phòng Tk quận/huyện nằm dưới sự chỉ đạo của Cục Tk sẽ có nhiệm vụ phân phát phiếu điều tra tới các đối tượng điều tra (chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ cá thể), sau đó thu thập và kiểm tra phiếu đã thu. Phòng Tk quận/huyện cũng có trách nhiệm quản lý công việc liên quan đến các điều tra viên cấp phường/xã và quận/huyện. Phòng Tk nộp phiếu điều tra đã thu thập cho Cục Tk nhưng không phải thực hiện công việc nhập tin.

4.1.3.2 Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra của điều tra thống kê sản xuất hiện tại về cơ bản bao gồm các cơ sở kinh tế, các công ty sản xuất các sản phẩm có ghi trong phiếu điều tra.

"Cơ sở kinh tế" trong điều tra thống kê sản xuất thường xuyên là các cơ sở sản xuất có người quản lý và hoạt động hơn ba tháng và đặt tại Việt Nam. Đây thường là các nhà máy sản xuất (bao gồm cả nhà máy chế biến).

2003 và 10% còn lại là của 73 ngành. Đây là các ngành nhỏ và chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị sản xuất toàn quốc. Vì thế, các ngành này không đại diện cho toàn bộ ngành công nghiệp chế biến của cả nước và các dữ liệu đó không đóng vai trò quan trọng khi tính đến tác động tới số liệu tổng hợp. Ngoài ra, hàng tháng sẽ phải mất thêm chi phí và nhân lực để điều tra tất cả các doanh nghiệp trong các ngành nhỏ và điều này sẽ gây ra những khó khăn về ngân sách và lợi ích chung. Theo số liệu năm 2003, 57 ngành đứng đầu đã chiếm tỷ trọng trên 90% (90.47%) tổng giá trị của toàn bộ ngành công nghiệp với doanh thu của mỗi ngành khoảng 20 nghìn tỷ VND. Vì thế, tiêu chí lựa chọn trong năm đầu tiên của Điều tra hàng tháng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu (MSMIP) đã đặt ra mức 20 nghìn tỷ VND giá trị sản xuất và mức độ đại diện là 90%.

2) Xem xét các ngành điều tra

Tiêu chí lựa chọn các ngành điều tra sẽ được xem xét định kỳ một năm/lần. Do nền công nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến thay đổi nhanh chóng trong những năm gần đây, nên cần phải tập trung xây dựng một hệ thống thống kê phản ánh chính xác những thay đổi đó. Các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDIs) đã và đang tác động sâu sắc tới các xu hướng sản xuất tại Việt Nam. Với khía cạnh đó, mỗi Cục TK cần có sự liên hệ chặt chẽ với Uỷ ban Nhân dân tỉnh, thành phố để nắm được các xu hướng đầu tư. Hơn nữa, dựa vào số liệu của MSMIP năm trước và Điều tra Doanh nghiệp năm trước, sản xuất hàng năm của các ngành điều tra được xác định làm tiêu chí lựa chọn.

3) Xét duyệt các ngành điều tra theo ISIC

Ban Thống kê Liên hợp quốc đã xem xét và điều chỉnh Phân ngành Công nghiệp chuẩn Quốc tế (ISIC) theo các yêu cầu phát sinh. Hiện tại, ISIC phiên bản 3.1 đã hoàn tất và bản dự thảo ISIC phiên bản 4 đã được công bố. Do VSIC dựa trên ISIC phiên bản 3.0 nên Vụ Phương pháp Chế độ – TCTK đang điều chỉnh VSIC dựa trên những thay đổi của ISIC phiên bản 4.0. Vì thế, MSMIP, áp dụng chính thức vào tháng 1 năm 2007, sẽ cân nhắc để sử dụng VSIC phiên bản 4.0.

Dựa vào các tiêu chí trên, số ngành điều tra dự tính khoảng 70 ngành bao gồm 7 ngành khai thác mỏ, 60 ngành công nghiệp chế biến và 3 ngành sản xuất điện/khí/nước vào tháng 1 năm 2007 và xấp xỉ 75 ngành vào tháng 1 năm 2008.

(2) Lựa chọn sản phẩm điều tra

Dựa vào bảng phân loại sản phẩm của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng – TCTK, các sản phẩm điều tra sẽ được lựa chọn theo tham khảo từ phiên bản mới nhất của Hệ thống Phân loại Sản phẩm Chủ yếu Việt Nam (VCPC) (mã ngành cấp 5) để thuận tiện cho việc so sánh quốc tế. Vì thế các sản phẩm được lựa chọn sẽ bao gồm các thành phẩm – hàng hoá tiêu dùng hoàn thiện – và các sản phẩm trung gian được phân phối trên thị trường. Đối với một số ngành, việcđiều tra tất cả các sản phẩm sản xuất trên địa phương là rất khó khăn. Thay vào đó, những sản phẩm điều tra của từng ngành phải chiếm tỷ trọng trên 80% tổng giá gia tăng của

(5) Phát triển chỉ số đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế bằng cách áp dụng kỹ thuật tính toán hiện đại;
(6) Xây dựng một hệ thống thống kê có thể đáp ứng yêu cầu tối thiểu về chi chí điều tra và giảm bớt gánh nặng cho các đối tượng điều tra (cơ sở kinh tế).

4.1.2 Tên chính thức của Điều tra Thống kê Sản xuất hiện tại

Điều tra sản xuất hiện tại được thực hiện dưới cái tên chính thức là "Điều tra hàng tháng các Sản phẩm Công nghiệp chủ yếu (MSMIP)."

4.1.3 Hệ thống điều tra và các Tổ chức

4.1.3.1 Các cơ quan thực hiện điều tra

Điều tra thống kê sản xuất thường xuyên do Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK thực hiện. Công việc điều tra thực tế do hệ thống thống kê địa phương của TCTK tiến hành (TCTK, Cục TK, Phòng TK quận/huyện) và nằm dưới sự kiểm soát của Ban Giám sát MSMIP (tên tạm thời).

(1) Tổ chức của Ban Giám sát MSMIP

Ban Giám sát MSMIP bao gồm 6 thành viên, đại diện cho các tổ chức dưới đây. Mỗi thành viên có thể chỉ định một người thay mặt mình để tham dự cuộc họp.

1) Trưởng Ban: Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê
Phó Ban: Vụ trưởng Vụ Kinh tế Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Phó Ban: Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Thành viên: Trưởng Ban Nghiên cứu, Văn phòng Chính phủ
Thành viên: Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ Công nghiệp
Thành viên/Thư ký: Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

2) Vai trò của Ban Giám sát MSMIP

Ban Giám sát sẽ đảm đương những trọng trách dưới đây. Ban thư ký tổng hợp lại theo sự hướng dẫn của Trưởng ban để đạt mục tiêu hoàn thành toàn bộ các nhiệm vụ dưới đây.

i) Lên kế hoạch cho các cuộc điều tra thống kê, thiết kế Phiếu điều tra và phê chuẩn sửa đổi các điều lệ và nguyên tắc.
ii) Phê chuẩn điều chỉnh và cập nhật danh mục ngành, sản phẩm và các cơ sở kinh tế cần điều tra
iii) Hướng dẫn và chỉ đạo phương thức quản lý và điều hành liên quan đến các cuộc điều tra thống kê.

2) Xem xét sản phẩm

Phiếu điều tra được thiết kế dựa vào bảng phân loại sản phẩm trên và các cuộc kiểm tra cần thực hiện trong một giai đoạn nhất định (một năm) để thu thập dữ liệu thống kê. Đến cuối giai đoạn thử nghiệm, bảng phân loại sản phẩm sẽ được kiểm tra và hoàn tất để thiết kế phiếu điều tra chính thức. Do Việt Nam không có những số liệu cơ bản về sản phẩm nên MSMIP sẽ là bước đầu tiên nhằm thu thập những dữ liệu này trên phạm vi toàn quốc. Trong tương lai, một hệ thống cho phép điều chỉnh định kỳ các sản phẩm bằng cách thiết lập các tiêu chí lựa chọn theo khối lượng dự tính sẽ được xây dựng dựa trên số liệu thống kê thu được từ MSMIP, thông tin công nghiệp và những phân tích thị trường.

Các sản phẩm điều tra sẽ được tiến hành xem xét giống như đối với các ngành điều tra. Đặc biệt, những thay đổi đáng kể của các điều kiện kinh tế trong những năm gần đây có thể là những nguyên nhân tạo ra những sản phẩm mới cũng như sự tăng trưởng nhanh chóng về sản xuất. Để phản ánh được những biến đổi đó, các sản phẩm mới sẽ được xác định thông qua việc phân tích dữ liệu của Điều tra doanh nghiệp năm trước, dữ liệu của MSMIP và các cuộc phỏng vấn các đơn vị công nghiệp. Các sản phẩm mới này sẽ được nghiên cứu bổ sung vào Danh mục.

3) Điều chỉnh theo bảng phân loại VSIC mới

Trong khi việc xem xét định kỳ các sản phẩm sẽ được tiến hành theo những bước trên, thì cũng cần phải sắp xếp lại các sản phẩm tương đương với sự cơ cấu lại của các ngành điều tra. Điều chỉnh lại các ngành điều tra trong MSMIP theo phiên bản VSIC mới là yêu cầu bắt buộc. Như vậy, danh mục sản phẩm sẽ được điều chỉnh lại dựa trên bảng so sánh giữa hai phiên bản VSIC mới và cũ (hoặc bảng so sánh giữa ISIC phiên bản 3.1 và phiên bản 4, do Ban Thống kê Liên hợp quốc ban hành.). Công việc này phải thực hiện sau khi đã lựa chọn xong danh sách ngành cuối cùng càng sớm càng tốt. Kết quả sẽ phản ánh trong phiếu điều tra.

Dựa vào các nguyên tắc lựa chọn sản phẩm trên, số lượng sản phẩm điều tra dự kiến xấp xỉ 550 sản phẩm vào tháng 1 năm 2007 và 630 sản phẩm vào tháng 1 năm 2008.

(3) Lựa chọn các cơ sở kinh tế (công ty) điều tra.

Về cơ bản, các đối tượng điều tra phải là các cơ sở kinh tế có sản xuất các sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Tuy nhiên, ở Việt Nam, danh sách các cơ sở kinh tế với đầy đủ thông tin về sản phẩm mà họ sản xuất không được hoàn chỉnh. Vì thế, trước khi lựa chọn các cơ sở kinh tế cần phải lựa chọn các công ty mẹ (doanh nghiệp). Theo kế hoạch, danh sách cơ sở kinh tế được xây dựng dựa trên Tổng điều tra cơ sở kinh tế năm 2007 nhưng cũng cần phải hoàn tất để áp dụng cho MSMIP trước khi Điều tra tiền trạm bắt đầu vào năm 2006.

(1) Trường hợp các cơ sở kinh tế được chọn điều tra không có thông tin để điền phiếu

Nếu một cơ sở kinh tế không thể điền thông tin vào phiếu điều tra, thì công ty mẹ phải điền thay cho cơ sở kinh tế đó. Điều này phần lớn xảy ra với các trường hợp sau:

1) Khi Cơ sở kinh tế không thể làm báo cáo về các chỉ tiêu điều tra do đặc điểm hệ thống quản lý của công ty mẹ ; hoặc
2) Khi một cơ sở kinh tế là trụ sở chính của công ty có trách nhiệm báo cáo số liệu về sản xuất và các chỉ tiêu điều tra liên quan đến tất cả các cơ sở kinh tế phụ thuộc.

Không quan tâm đến hình thức sở hữu khi lựa chọn các công ty điều tra .

4.1.3.3 Phương pháp lựa chọn đối tượng điều tra

Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng lập kế hoạch điều tra theo các nguyên tắc sau.

(1) Lựa chọn các ngành điều tra

MSMIP áp dụng với Ngành Công nghiệp theo khái niệm của Việt Nam. Đồng thời, các ngành điều tra sẽ được lựa chọn theo mã ngành VSIC cấp 4. Quá trình lựa chọn bắt đầu từ giai đoạn điều tra tiền trạm năm 2006 dựa trên các tiêu chí lựa chọn dưới đây. Danh sách cuối cùng cho điều tra thống kê sản xuất thường xuyên sẽ hoàn tất vào tháng 1 năm 2008. Danh sách sẽ được TCTK điều chỉnh thích hợp. Giá trị sản xuất của ngành được coi là yếu tố lựa chọn cơ bản nhưng có thể không phải là tiêu chí cho một số ngành cụ thể và điều này phụ thuộc vào Ban Giám sát MSMIP.

1) Tiêu chí lựa chọn các ngành điều tra

Tiêu chí lựa chọn các ngành là giá trị sản xuất của một ngành đạt mức 20 nghìn tỷ VND (theo VSIC mã ngành cấp 4) với tỷ lệ đại diện cao nhất đạt 90% tổng giá trị sản xuất toàn quốc. Giá trị tiêu chuẩn sẽ được xem xét lại 3 năm một lần, bắt đầu từ năm 2008. (Lưu ý rằng thời điểm xét duyệt sẽ do Ban Giám sát MSMIP quyết định.)

<u>Lý do xác định tiêu chí lựa chọn (20 nghìn tỷ VND cho một ngành (theo VSIC mã ngành cấp 4) chiếm tỷ trọng 90% tổng giá trị sản xuất toàn quốc)</u>

Để hiểu rõ các hoạt động sản xuất một cách chính xác ở cấp độ kinh tế vi mô và phát triển các chỉ số thể hiện xu hướng kinh tế vĩ mô thì không cần phải điều tra tới tất cả các ngành và sản phẩm. Xét tính hiệu quả, các cuộc điều tra chọn mẫu sẽ mang lại hiệu quả hơn khi lựa chọn các ngành và sản phẩm phản ánh được những thay đổi theo thời gian. Trong trường hợp của các ngành công nghiệp Việt Nam, 55 ngành trong tổng số 128 ngành (theo VSIC mã ngành cấp 4)[*3] đã chiếm 90% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn quốc năm

[*3] Theo ISIC, có 127 ngành cấp 4, và theo VSIC có 130 ngành, trong đó, tại Việt Nam có 128 ngành đang có các hoạt động sản xuất.

(3) Khối lượng tiêu thụ nội bộ
(4) Khối lượng tồn kho cuối kỳ
(5) Giá trị xuất kho (theo phiếu giao hàng)
(6) Khối lượng sản xuất dự tính tháng tiếp theo

Sự cần thiết của chỉ tiêu "Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp" sẽ được thảo luận và quyết định cùng với các đối tượng sử dụng số liệu chính dựa trên kết quả của Điều tra Tiền trạm.

(1) Khối lượng sản xuất

Đây là khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo theo hợp đồng sản xuất và gia công. Chỉ tiêu này bao gồm cả sản phẩm được chính cơ sở kinh tế nhập hoặc sử dụng để sản xuất sản phẩm khác (không bao gồm các sản phẩm dở dang).

(2) Khối lượng xuất kho

Đây là khối lượng sản phẩm xuất kho thực tế trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Các sản phẩm này được xuất đi từ doanh nghiệp, hoặc từ kho chứa hàng của doanh nghiệp. Lưu ý, các trường hợp sau cũng nằm trong chỉ tiêu này.

1) Xuất kho sang một xưởng sản xuất khác trong cùng doanh nghiệp để tạo ra loại sản phẩm khác, nhưng vẫn cùng nằm trong ngành đó.
2) Xuất kho làm nguyên vật liệu thô cho xưởng sản xuất khác trong cùng doanh nghiệp
3) Xuất kho làm nguyên liệu thô cho các hợp đồng sản xuất
4) Xuất kho các sản phẩm sản xuất theo hợp đồng của khách hàng
5) Sử dụng nội bộ như làm hàng mẫu, quà tặng, trưng bày hoặc dùng thử

(3) Khối lượng tiêu thụ nội bộ

Đây là khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Sản phẩm này được sử dụng như nguyên liệu thô để sản xuất sản phẩm mới, loại trừ khối lượng tiêu thụ nội bộ tại mục 2) và 5) ở trên.

(4) Tồn kho cuối kỳ

Đây là khối lượng sản phẩm (được liệt kê trong phiếu điều tra) do cơ sở kinh tế sản xuất và được giữ lại. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm nằm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê vào thời điểm cuối tháng báo cáo.

(5) Giá trị xuất kho

Đây là tổng trị giá hàng xuất kho của cơ sở kinh tế (xưởng sản xuất) trong tháng báo cáo. Lưu ý, giá trị xuất kho của sản phẩm được cơ sở kinh tế sản xuất hoặc gia công từ nguyên vật liệu của khách hàng (khách hàng trả tiền gia công sản phẩm) được tính, bởi vì khách hàng cung cấp nguyên vật liệu cũng giống trường hợp cơ sở kinh tế mua nguyên vật liệu thô ở ngoài.

ngành. Đối với trường hợp có nhiều sản phẩm khác nhau trong cùng một ngành, cần phát hai hoặc nhiều hơn hai phiếu điều tra cho từng ngành thay vì chỉ sử dụng một phiếu điều tra cho mỗi ngành.

1) Các tiêu chí lựa chọn sản phẩm

Các sản phẩm theo VCPC mã ngành cấp 5 được lựa chọn mà không sử dụng tiêu chí khối lượng như khối lượng sản xuất vì có sự khác biệt lớn giữa các sản phẩm. Việc lựa chọn sẽ tuân theo những quy trình sau.

(a) Danh mục sản phẩm của từng ngành soạn thảo dựa trên kết quả những cuộc điều tra thử của Nhóm Nghiên cứu JICA đã hoàn tất năm 2005 và danh mục sản phẩm áp dụng cho Điều tra Tiền trạm năm 2006 (về cơ bản, 48 ngành được chọn điều tra trong Điều tra tiền trạm và danh sách ngành sẽ được bổ sung vào năm 2007).

(b) Đối với các ngành mới bổ sung, phân loại sản phẩm (và đơn vị) của những sản phẩm chính trong từng ngành sẽ được xây dựng dựa trên bảng Hệ thống Phân loại Sản phẩm Chủ yếu Việt Nam (VCPC) mã ngành cấp 5 và thông tin thu được từ các ngành có liên quan.

Hệ thống Phân loại Sản phẩm Chủ yếu Việt Nam (VCPC) dựa trên các tiêu chuẩn phân loại quốc tế và nó không thực sự phù hợp với cấu trúc sản phẩm thực tế của Việt Nam. Đồng thời, tên của một số sản phẩm cũng quá dài nếu đưa vào phiếu điều tra. Vì những lý do này mà bảng phân loại sản phẩm đã được lựa chọn có thể không giống bảng VCPC mã ngành cấp 5. Ở đây, cần tập trung phản ánh chính xác cơ cấu sản phẩm trong nước và phân loại các sản phẩm phù hợp để các đối tượng điều tra có thể trả lời một cách dễ dàng.

(c) Bên cạnh việc lựa chọn sản phẩm, đơn vị tính của từng sản phẩm cũng cần được xác định rõ.

(d) Đối với những sản phẩm và những ngành mới bổ sung, việc áp dụng chính thức sẽ được thực hiện khoảng 1 năm sau giai đoạn điều tra thử nhằm kiểm tra tình trạng và xu hướng sản xuất.

(e) Đối với các sản phẩm được lựa chọn điều tra chính thức, mô tả sản phẩm và phạm vi sản phẩm nên được đưa vào một tài liệu riêng để phân phát cho các điều tra viên. Tài liệu này được Ban Giám sát MSMIP phê chuẩn .

(f) Để lựa chọn sản phẩm và đơn vị, việc thu thập các thông tin có liên quan từ các cơ sở kinh tế lớn và các hiệp hội thương mại là rất quan trọng. Công việc này cũng được yêu cầu thực hiện trong Điều tra tiền trạm.

Hình 4-1 Phiếu điều tra (Mẫu)

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1512
Do Tổng cục Thống kê ban hành
Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỬ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)
Tỉnh | Huyện | Xã | Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1512
- Ngành chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại (Mã khu vực / Số máy)

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo ____ của năm 2005

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp) 4-1 ☐ DNNN TƯ 4-2 ☐ DNNN ĐP 4-3 ☐ DN có vốn ĐTNN 4-4 ☐ DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng 8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	Giá trị 12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	Khối lượng (9). Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Thuỷ hải sản ướp lạnh	Tấn					
2	Thuỷ hải sản ướp đông	Tấn					
3	Thuỷ hải sản ướp muối, phơi khô, sấy khô, hun khói (Ví dụ: mực khô xẻ nhỏ)	Tấn					
4	Thuỷ hải sản đóng hộp						
4-1	Cá ngừ đóng hộp	Tấn					
4-2	Các loại thuỷ hải sản đóng hộp khác	Tấn					
5	Thuỷ hải sản xay nhỏ hoặc dạng mắm đặc	Tấn					
6	Nước mắm						
6-1	Nước mắm cô đặc	Kg					
6-2	Nước mắm các loại (trừ sản phẩm nước mắm cô đặc)	1000 lít					
7	Các sản phẩm thuỷ hải sản khác chưa được phân vào đâu	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng): ____ Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng): ____

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu — Chữ ký

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế — Chữ ký

16.Ngày ký — Ngày

Tuy nhiên, tại cùng thời điểm, ngành công nghiệp Việt Nam (bao gồm ngành khai khoáng, ngành công nghiệp chế biến và ngành cung cấp điện/nước/gas) có tới 18,198 công ty (theo Điều tra doanh nghiệp năm 2004). Nếu điều tra thêm cả các hộ cá thể[*4] thì quy mô của cuộc điều tra hàng tháng sẽ trở nên quá lớn. Vì thế, để duy trì mục đích phát triển thống kê sản xuất thường xuyên, phải quyết định lựa chọn điều tra các cơ sở kinh tế chiếm giữ tỷ trọng lớn trong từng ngành (sản phẩm), có thể đại diện ở một mức độ nào đó. Chính xác hơn, các doanh nghiệp phân theo VSIC mã cấp 4 sẽ được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp giá trị sản xuất với tổng giá trị sản xuất cộng dồn là 75% (tỷ lệ đại diện), và tất cả các doanh nghiệp nằm trong các ngành được chọn sẽ đưa vào điều tra chính thức (ví dụ: lựa chọn theo tỷ lệ đại diện)

Tuy nhiên, nên lưu ý rằng, 100% các doanh nghiệp Nhà nước (cả Trung ương và địa phương) và các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ được điều tra nhằm duy trì tính liên tục trong thống kê từ Điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện tại . (Lưu ý, tỷ lệ đại diện là 75% bao gồm tất cả các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.) Mặt khác, chỉ điều tra các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ cá thể nằm trên đường giới hạn 75% tổng giá trị sản xuất cộng dồn.

Sau đó, tên, địa chỉ, các sản phẩm chính và những chỉ tiêu khác của các doanh nghiệp lựa chọn sẽ được biên soạn và tổng hợp vào sách cơ sở kinh tế của MSMIP lưu trữ trong máy tính. Danh sách cơ sở kinh tế điều tra cuối cùng sẽ được thiết lập.

Dựa vào các tiêu chí trên, số cơ sở kinh tế điều tra nằm trong nhóm có tỷ lệ đại diện khoảng 75% lên tới 4,000 – 4,500 cơ sở vào tháng 1 năm 2008 (trên cơ sở cấp toàn quốc).

Song, nếu thực hiện theo các yêu cầu của địa phương thì phải bổ sung thêm số doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ cá thể. Trong trường hợp này, số cơ sở kinh tế điều tra cuối cùng sẽ phụ thuộc vào số lượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ cá thể. Điều quan trọng quyết định đến quy mô của toàn bộ cuộc điều tra là khả năng thực hiện và chi phí dành cho điều tra của TCTK (bao gồm cả chi phí dành cho các Cục Tk và Phòng Tk quận/huyện) cũng như các yếu tố liên quan khác.

4.1.4 Chỉ tiêu điều tra

Để nghiên cứu các hoạt động sản xuất dựa trên các chỉ tiêu khối lượng thì cần lựa chọn điều tra 6 chỉ tiêu sau. Đây là các yếu tố cấu thành cơ bản của thống kê sản xuất thường xuyên.

(1) Khối lượng sản xuất
(2) Khối lượng xuất kho

[*4] Có khoảng 780,000 Hộ cá thể trong ngành khai khoáng và công nghiệp chế biến. Ví dụ, nếu lấy tỷ lệ chọn mẫu trong cuộc điều tra chọn mẫu hàng tháng áp dụng cho trường hợp này thì con số được chọn mẫu sẽ xấp xỉ 12,000.

4.1.6 Phương pháp thực hiện Điều tra Thống kê sản xuất thường xuyên

4.1.6.1 Các kênh phân phát phiếu điều tra

MSMIP sử dụng toàn bộ mạng lưới điều tra của Cục Tk và phòng Tk quận/huyện, các đơn vị địa phương trực thuộc TCTK. Về nguyên tắc, các Cục Tk phải chịu trách nhiệm điều tra các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trong khi đó, các phòng Tk quận/huyện phụ trách điều tra các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể. Phòng Tk quận/huyện sẽ thực hiện điều tra thực địa dưới sự chỉ đạo của mỗi Cục Tk.

Kênh phân phối phiếu điều tra thực hiện như sau.

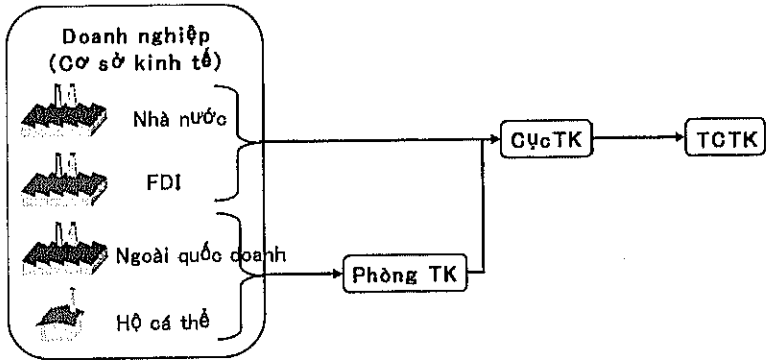

4.1.6.2 Phân phát và thu thập Phiếu điều tra

(1) Phương pháp phân phát và thu thập Phiếu điều tra

Phiếu điều tra sẽ do các điều tra viên của Cục và Phòng Tk phân phát vào hai lần trong một năm (tháng 12 và tháng 6), mỗi lần phát phiếu cho cả 6 tháng. Trong giai đoạn điều tra tiền trạm hoặc giai đoạn đầu của điều tra chính thức, các đối tượng điều tra (cơ sở kinh tế) cần được giới thiệu chi tiết về cuộc điều tra. Ngoài ra, cần nỗ lực thiết lập mối quan hệ thân thiết với các cơ sở kinh tế và điều này phụ thuộc vào mỗi Cục Tk.

Việc thu thập phiếu điều tra tiến hành giống như điều tra chọn mẫu hàng tháng mà TCTK đang tiến hành hiện nay. Nói cách khác, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ gửi phiếu tới Cục Tk bằng cách áp dụng hệ thống báo cáo. Đồng thời, các điều tra viên sẽ trực tiếp đến thu phiếu tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ cá thể. Phiếu có thể gửi bằng fax, thư điện tử. Phiếu gửi qua đường bưu điện không được khuyến khích do tình trạng hiện tại của hệ thống bưu điện không bảo đảm.

(2) Hạn nộp phiếu điều tra

Hạn nộp phiếu điều tra từ phòng Tk lên Cục Tk là ngày 11 hàng tháng và ngày 12 là hạn các doanh nghiệp điều tra nộp phiếu lên Cục Tk. Nếu một trong hai ngày đó rơi vào thứ bảy

(6) Khối lượng sản xuất dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Chỉ tiêu này đề cập đến khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra.

4.1.5 Hình thức Phiếu điều tra

Phiếu điều tra bao gồm các chỉ tiêu điều tra trên sẽ được thiết kế trong một tờ đơn (khổ A4). Mặt trước của phiếu gần giống với phiếu điều tra sử dụng trong Điều tra thử lần 2 (tham khảo trang sau).

(5) Công bố bao gồm cả phân tích và giải thích, như thế sẽ được đánh giá cao và tạo thuận lợi cho người sử dụng.
(6) Công bố bao gồm cả giải thích phương pháp thực hiện thống kê và xử lý dữ liệu.
(7) Công bố phải đi cùng với những yếu tố thoả mãn người sử dụng chẳng hạn như trả lời các câu hỏi mà người sử dụng đặt ra.

Tất nhiên, hầu hết các tỉnh đã sẵn sàng để đáp ứng tất cả các chính sách trên, kể cả TCTK. Ở Việt Nam, Luật Thống kê ban hành năm 2003 và "Phương hướng Phát triển Thống kê tới năm 2010", công bố năm 2002, cũng đã đặt ra các chính sách tương tự. Do vậy, hệ thống công bố số liệu thống kê sản xuất hiện tại, bao gồm các chỉ số, sẽ được thiết lập bằng cách đưa các chính sách đó vào thực tế càng nhanh càng tốt cùng với tiến trình xây dựng hệ thống thống kê vào năm 2008.

4.2.2 Nguyên tắc và các quy trình công bố

Việc công bố sẽ thực hiện theo các nguyên tắc và quy trình sau. Ngày công bố cụ thể sẽ do Ban Giám sát MSMIP quyết định.

(1) Kết quả của điều tra thống kê sản xuất thường xuyên sẽ được công bố vào cuối tháng sau tháng báo cáo. Hàng năm, các kết quả cuối cùng sẽ được công bố vào một tháng cụ thể.
(2) Những ngày công bố báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức sẽ ấn định trước và việc công bố tiến hành càng nhanh càng tốt.
(3) Thống kê sản xuất thường xuyên cấp quốc gia, các chỉ số, báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức đều được công bố trên trang Web của TCTK. Các thông tin chi tiết theo từng tỉnh như hình thức sở hữu, quy mô doanh nghiệp và các thông tin khác sẽ được xuất bản thành các ấn phẩm.
(4) Số liệu cấp quốc gia, báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức sẽ được công bố bằng cả tiếng Việt và Anh.
(5) TCTK có trách nhiệm công bố số liệu thống kê theo cấp quốc gia và theo cấp vùng (8 vùng kinh tế). Cục Tk công bố số liệu theo cấp tỉnh, thành phố. Lưu ý rằng, phương pháp và nội dung số liệu thống kê cấp tỉnh và thành phố phải được xác định dựa trên những nhu cầu cụ thể của địa phương và sự tham vấn của TCTK.

Công bố số liệu dự tính sẽ bắt đầu chính thức vào tháng 2 năm 2007 theo Quyết định chính thức của Thủ tướng Chính phủ về MSMIP. TCTK sẽ nỗ lực công bố số liệu thống kê mới một cách chính xác và kịp thời thông qua những kinh nghiệm có được từ cuộc điều tra tiền trạm. Việc công bố này sẽ được tiến hành nhằm xác định rằng thống kê sản xuất thường xuyên đang trong giai đoạn phát triển và dần dần đáp ứng yêu cầu của thống kê chính thức.

Mặt sau Phiếu điều tra

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

1-1. Tên doanh nghiệp
Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế
Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế
Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ
Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp
Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu
Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại
Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo
Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng
Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng
Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm đo cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng
Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)
Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra.Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo
Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)
Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm : (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.
Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)
Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu
Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế
Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký
Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:
Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:
Là những sản phẩm thuỷ hải sản đã làm sạch, được bảo quản bằng đá lạnh hoặc trong phòng lạnh, ở nhiệt độ 0°C.

Sản phẩm 2:
Là những sản phẩm thuỷ hải sản đã làm sạch, qua công đoạn cấp đông (hạ xuống nhiệt độ -45°C).

Sản phẩm 3:
Các sản phẩm thuỷ hải sản muối, sấy khô hoặc hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình muối, sấy khô hoặc hun khói. Sản phẩm này bao gồm cả gan, bọc trứng cá sấy khô, ướp muối, hun khói.

Sản phẩm 4 - 1:
Cá ngừ đóng hộp

Sản phẩm 4 - 2:
Các loại cá và hải sản đóng hộp khác.

Sản phẩm 5:
Các loại thuỷ hải sản được chế biến bằng cách xay nhỏ, hoặc chế biến dưới dạng mắm đặc như: mắm cá, mắm tôm tép moi, tôm chua v.v...

Sản phẩm 6 - 1:
Nước mắm cô đặc.

Sản phẩm 6 - 2:
Nước mắm các loại (trừ sản phẩm nước mắm cô đặc).

Sản phẩm 7:
Thuỷ hải sản chế biến khác như: nấu chín làm thức ăn sẵn, xúc xích, giăm bông, chế biến thức ăn gia súc gia cầm và chế biến các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu.

Ghi chú:

(1) Việc công bố số liệu của báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức phải tuân thủ theo sự phê chuẩn của Ban Giám sát MSMIP. Công bố trên trang Web phải do một bộ phận chuyên trách về web site thực hiện và cũng phải được Ban Giám sát phê duyệt.

(2) Công bố theo cấp tỉnh vào thành phố phải do Cục Tk thực hiện dưới sự giám sát của TCTK. Dữ liệu công bố phải được Cục Tk điều chỉnh theo yêu cầu sử dụng thông tin ở địa phương.

(3) Bên cạnh việc công bố định kỳ kết quả của báo cáo sơ bộ (hàng tháng) và báo cáo chính thức (hàng năm), việc xem xét và điều chỉnh ngành và sản phẩm điều tra cũng được tiến hành theo yêu cầu, nhằm phản ánh những thay đổi của các hoạt động sản xuất trong nước. Đồng thời, cơ sở tính toán chỉ số được kiểm tra và điều chỉnh theo thời gian nhằm đảm bảo có được quyền số chính xác.

4.3 Kế hoạch phát triển

Để xây dựng một hệ thống chính thức về thống kê sản xuất thường xuyên trong hai năm tới (từ tháng 5 năm 2006 đến tháng 6 năm 2008), kế hoạch phát triển đã được xây dựng như sau (xem hình 5-2). Quy trình phát triển chia làm 3 giai đoạn và các hoạt động cho từng giai đoạn được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng – TCTK.

(1) Giai đoạn chuẩn bị hợp thức hoá (tháng 5 năm 2006 – tháng 1 năm 2007)
(2) Năm đầu tiên của điều tra chính thức (tháng 2 năm 2007 – tháng 1 năm 2008)
(3) Năm thứ hai của điều tra chính thức (từ tháng 2 năm 2008 trở đi)

4.3.1 Giai đoạn chuẩn bị hợp thức hóa (Tháng 5 năm 2006 – Tháng 1 năm 2007)

Giai đoạn này tập trung hoàn thành các thủ tục liên quan đến MSMIP bao gồm các thủ tục pháp lý và công tác chuẩn bị thực hiện điều tra chính thức sau khi đã hoàn thành Nghiên cứu JICA. Trong giai đoạn này, TCTK cũng đang thực hiện Điều tra tiền trạm đối với các ngành và các địa bàn đã lựa chọn. Do Điều tra tiền trạm thực hiện song song với điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện nay nên công việc chuẩn bị của TCTK sẽ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng. Vì thế, cần phải lên kế hoạch một cách hợp lý và thực hiện theo một kế hoạch cụ thể.

Các công việc chủ yếu

(1) Thiết lập Ban Thư ký để chuẩn bị cho MSMIP nhằm phối hợp các hoạt động của TCTK với các Bộ có liên quan.
(2) Thủ tục xin Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (phát triển kế hoạch phát triển cơ bản, v.v.)

hoặc chủ nhật thì ngày thứ hai của tuần tiếp theo sẽ là hạn cuối. Vì thế, hạn nộp phiếu lên Cục Tk muộn nhất là ngày 14.

4.1.6.3 Sử dụng và quản lý phiếu điều tra

(1) Kiểm tra

Việc kiểm tra các phiếu đã thu thập sẽ do các điều tra viên của Cục Tk và Phòng Tk, những người thu phiếu, thực hiện. Những điểm quan trọng cần kiểm tra là những chỉ tiêu để trống, tính chính xác của các con số và sự cân bằng giữa các chỉ tiêu có liên quan. Nếu điều tra viên phát hiện ra bất kỳ lỗi hoặc nghi vấn nào thì cần xác nhận lại với doanh nghiệp.

(2) Kiểm tra và nhắc nhở

Nếu trước hạn nộp mà doanh nghiệp chưa nộp phiếu điều tra thì điều tra viên của Cục Tk hoặc phòng Tk sẽ liên lạc để nhắc nhở. Việc nhắc nhở nên bắt đầu từ hai ngày trước hạn nộp, mặc dù ngày chính xác là do Cục/phòng Tk đặt ra.

(3) Nhập dữ liệu

Nhiệm vụ nhập dữ liệu phiếu đã qua kiểm tra sẽ do các Cục Tk đảm trách. Dữ liệu nhập ở Cục Tk sẽ được truyền lên TCTK. Tại đây, dữ liệu toàn quốc sẽ được biên soạn và tổng hợp. (Xem Chương 6 để biết thêm chi tiết về các hoạt động nhập tin)

(4) Quản lý phiếu điều tra đã thu thập

Phiếu điều tra sau khi đã nhập dữ liệu sẽ được lưu giữ tại các Cục Tk trong vòng ba năm.

4.2 Công bố

4.2.1 Chính sách công bố

Về cơ bản, số liệu thống kê do Phòng Thống kê của Chính phủ biên soạn sẽ được công bố. Phương pháp và nội dung công bố cũng được coi trọng. Cụ thể, thống kê sản xuất hiện tại dựa trên số liệu hàng tháng sẽ không còn ý nghĩa và giá trị nếu việc công bố bị trì hoãn. Vì thế, tính kịp thời và chính xác là tiêu chí được đánh giá cao. Nói cách khác, bên cạnh phương pháp và nội dung công bố, số liệu thống kê phải được biên soạn và công bố một cách kịp thời để làm hài lòng những người sử dụng. Do đó, những chính sách công bố thống kê sản xuất hiện tại đã được đặt ra như sau.

(1) Công bố kịp thời trừ khi nó ảnh hưởng không tốt tới tính tin cậy của số liệu thống kê.
(2) Công bố một cách công bằng tới tất cả những người sử dụng.
(3) Công bố vào một ngày nhất định và ngày đó phải được thông báo trước.
(4) Công bố riêng rẽ và độc lập với các Bộ có liên quan.

(8) Cải tiến khả năng phân tích dữ liệu

4.3.3 Thực hiện điều tra chính thức – Năm thứ hai (tháng hai năm 2008 và tiếp sau đó)

Năm thứ hai sẽ thiết lập giai đoạn hoàn thiện cuối cùng của MSMIP. Nếu trong năm thứ nhất (2007), điều tra chính thức không thể áp dụng cho tất cả 64 tỉnh/Tp, thì năm thứ hai sẽ cố gắng hoàn thiện nốt điều tra thống kê sản xuất thường xuyên. Do đó, nhiệm vụ quan trọng nhất trong năm thứ hai là thiết lập quá trình điều tra toàn bộ cho đến khi công bố.

Các công việc chủ yếu

(1) Tổ chức các hoạt động hướng dẫn và khuyến khích người sử dụng tiềm năng (bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân).
(2) Xem xét các ngành và các sản phẩm điều tra trong MSMIP và hoàn tất danh mục sản phẩm
(3) Điều chỉnh và cập nhật danh sách cơ sở kinh tế của MSMIP và chuẩn bị danh sách chọn mẫu toàn bộ
(4) Hướng dẫn điều tra viên và cơ sở kinh tế nằm trong các địa bàn mới được lựa chọn để điều tra.
(5) Cải tiến và xây dựng hệ thống công bố
(6) Cải tiến khả năng phân tích dữ liệu
(7) Tuyên truyền tới người sử dụng tiềm năng về điều tra thống kê sản xuất thường xuyên.

4.2.3 Các chỉ tiêu công bố

Dựa trên thực tế rằng số liệu thống kê cũng là hàng hoá phục vụ cộng đồng nên tất cả các chỉ tiêu điều tra sẽ được công bố trừ các chỉ tiêu vi phạm tính bảo mật theo quy định của Luật Thống kê. Các chỉ tiêu cụ thể sẽ công bố và các quy tắc có liên quan được tóm tắt dưới đây.

(1) Tất cả các dữ liệu về sản xuất, xuất kho, tồn kho và sản xuất dự tính tháng tiếp theo của từng sản phẩm điều tra được công bố trong báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức. Bất kỳ sản phẩm nào không mang tính đại diện sẽ không được công bố.

(2) Dựa vào các kết quả điều tra, chỉ số liên quan đến sản xuất (bao gồm cả dự tính sản xuất), xuất kho và tồn kho được công bố trong cả báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức. Kỳ gốc của điều tra tiền trạm là tháng 1 năm 2006 và Kỳ gốc của năm 2007 là bình quân của năm 2006 và tiếp tục cho đến khi điều tra chính thức được tiến hành. Tuy nhiên, phải lưu ý rằng kỳ gốc sẽ do TCTK quyết định vào cuối năm 2006 sau khi đã tìm ra những điểm khác nhau về ngành và sản phẩm điều tra giữa điều tra tiền trạm và điều tra chính thức. Các ngành và sản phẩm điều tra chính thức sẽ do TCTK lựa chọn và do Ban Chỉ đạo MSPIP đánh giá và phê chuẩn.

(3) Công bố chính thức cần trình bày những phân tích mô tả xu hướng chính cũng như các số liệu thống kê bằng con số.

(4) Từ quan điểm thống kê cũng là một loại hàng hoá phục vụ công đồng, nên việc công bố phải bao gồm tất cả các chỉ tiêu điều tra. Tuy nhiên, chỉ tiêu nào được quy định bảo mật, bao gồm cả yêu cầu không tiết lộ thông tin của đối tượng điều tra, sẽ không được phép công bố. Quyết định cuối cùng sẽ được Ban Giám sát MSMIP đưa ra sau khi đã xem xét tình hình thực tế và những quy định trước đó ở Việt Nam.

(5) Trong tương lai, việc công bố những dữ liệu chi tiết theo từng vùng nằm trong 8 vùng kinh tế, hình thức sở hữu và quy mô doanh nghiệp sẽ được xem xét.

(6) Công bố kết quả điều tra hộ cá thể trong Điều tra tiền trạm sẽ do TCTK quyết định sau khi đánh giá các kết quả của cuộc điều tra về khía cạnh độ chính xác và tin cậy.

4.2.4 Quy trình công bố

Giống như các cuộc điều tra thống kê khác, việc công bố kết quả điều tra thống kê sản xuất thường xuyên nên thực hiện sau khi đã hoàn tất công việc kiểm tra tính chính xác của số liệu, nhằm bảo đảm độ tin cậy của số liệu thống kê. Đối với thống kê sản xuất thường xuyên, độ tin cậy và tính kịp thời đều quan trọng như nhau. Để đáp ứng yêu cầu này, các quy trình công bố số liệu phải tuân theo các nguyên tắc chung sau.

4.4 Ngân sách hoạt động

Ngân sách hoạt động của MSMIP chủ yếu bao gồm ngân sách dành cho điều tra các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể, theo yêu cầu quản lý của hệ thống điều tra. Hệ thống báo cáo hiện hành cũng hoàn toàn áp dụng theo chế độ này. Ngân sách cũng dành cho các công việc chuẩn bị hợp thức hoá vào năm 2008, thiết lập và hoạt động chính thức trong hai năm đầu tiên, bao gồm cả các hoạt động quảng cáo. Dựa vào những nguyên tắc trên, ngân sách hoạt động hàng năm sẽ phân bổ như sau.

(1) Chương trình đào tạo điều tra viên (Bao gồm chi phí đào tạo cho 400 điều tra viên, trang thiết bị, nơi ăn chốn ở, phương tiện đi lại và tài liệu)	$15,400
(2) Phiếu điều tra và tài liệu hướng dẫn (in) (Phiếu điều tra: $0.6/tờ x 5,000 tờ x 12 tháng = $36,000) (In tài liệu hướng dẫn: $1.0 x 500 = $500)	$36,500
(3) Quản lý điều tra ($4.0/phiếu điều tra x 4,500 tờ x 12 tháng = $216,000)	$216,000
(4) Nhiệm vụ của Trung tâm tin học ($800 x 12 tháng = $9,600)	$9,600
(5) Quản lý chung (bao gồm các hoạt động tuyên truyền/quảng cáo	$2,000
Tổng số	$279,500

Dự tính trên dành cho điều tra 4,500 cơ sở kinh tế (phiếu điều tra) trong một tháng. Như đã trình bày, điều tra sản xuất hiện tại thực hiện nhằm mục đích thu thập dữ liệu thống kê của các tỉnh, thành phố. Ngoài những số liệu cơ bản về sản phẩm, số lượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể tăng lên, điều này dẫn tới việc ngân sách tăng theo. Thứ hai là, ngân sách hoạt động bao gồm cả ngân sách dành cho chương trình đào tạo điều tra viên và các hoạt động tuyên truyền quảng cáo dành cho cuộc điều tra. Hơn nữa, ngân sách quản lý điều tra cũng bao gồm cả ngân sách dành cho thu thập phiếu điều tra các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài nằm trong hệ thống báo cáo hiện tại. Vì thế, trong chừng mực nào đó, ngân sách có thể bị giảm bớt.

Ngân sách TCTK dành cho điều tra chọn mẫu hàng tháng năm 2006 là 320 triệu Việt Nam đồng ($201,000), cuộc điều tra này sẽ được thay thế bằng MSMIP. Hiện tại, hàng tháng, cuộc điều tra thực hiện với khoảng 18,000 cơ sở kinh tế (trong đó 64% là hộ cá thể), khác với dự tính ở trên. Tuy nhiên, nếu bổ sung thêm các yếu tố đặc biệt được đề cập trước đó, thì ngân sách dành cho điều tra chọn mẫu hàng tháng có thể dành để thực hiện điều tra toàn diện theo MSMIP một cách hiệu quả. Để tránh dùng ngân sách vào việc riêng, thủ tục phân bổ ngân sách yêu cầu phải có sự phê chuẩn chính thức như là một chương trình ngân sách mới. Vì thế, điều quan trọng là kiểm tra lại kế hoạch phát triển cơ bản trong nửa năm đầu 2006, và bảo đảm điều phối nhanh chóng ngân sách hoạt động với các bộ và các tổ chức.

(3) Phối hợp với các Bộ có liên quan để giới thiệu MSMIP (bao gồm thủ tục yêu cầu ngân sách)
(4) Xem xét và lựa chọn các ngành và sản phẩm điều tra cho điều tra chính thức.
(5) Điều chỉnh và cập nhật danh sách cơ sở kinh tế cho điều tra chính thức.
(6) Thiết kế lại phiếu điều tra cho điều tra chính thức và sửa lại tài liệu hướng dẫn.
(7) Hướng dẫn điều tra viên và cơ sở kinh tế nằm trong các địa bàn mới được lựa chọn để điều tra.
(8) Xây dựng hệ thống công bố
(9) Cải tiến khả năng phân tích dữ liệu (thông qua các cuộc hội thảo dựa vào kết quả của điều tra tiền trạm).

Để thực hiện MSMIP vào tháng 2 năm 2007, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sẽ công nhận MSMIP là điều tra thống kê chính thức cần được ban hành vào cuối năm 2006, Ngoài ra, cần việc thiết lập hệ thống và tổ chức trong TCTK và bảo đảm kinh phí cần thiết. Hơn nữa, việc hướng dẫn các điều tra viên và các cơ sở kinh tế cũng vô cùng quan trọng trong danh mục các công việc phải thực hiện. Đồng thời, cần phải đảm bảo ngân sách và thời gian cần thiết để thực hiện.

4.3.2 Thực hiện điều tra chính thức – Năm đầu tiên (tháng 2 năm 2007 – tháng 1 năm 2008)

Quy trình hợp thức hoá sẽ được hoàn tất vào cuối năm 2006 và MSMIP sẽ chính thức được công nhận theo luật vào tháng 2 năm 2007 (điều tra chính thức sẽ bắt đầu từ tháng 1 năm 2007). Khi MSMIP thay thế điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện tại, cuộc điều tra có được thực hiện với tất cả 64 tỉnh/thành phố trong cả nước ngay từ đầu hay không phụ thuộc vào việc hoàn tất công tác chuẩn bị cuối năm 2006. Để bảo đảm thực hiện điều tra một cách hiệu quả, kế hoạch phát triển cơ bản phải được đặt ra bao gồm cả dự kiến các trường hợp tăng thêm địa bàn điều tra hoặc trường hợp điều tra toàn bộ 64 tỉnh/Tp trong năm thứ hai. Như vậy, năm thứ nhất sẽ thực hiện các hoạt động liên quan đến việc hợp thức hoá, và tiếp sau đó là giai đoạn chuẩn bị, bao gồm các công việc sau.

Các công việc chủ yếu

(1) Thành lập Ban Giám sát MSMIP
(2) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo tới người sử dụng tiềm năng (bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân).
(3) Xem xét và lựa chọn các ngành và các sản phẩm điều tra cho MSMIP
(4) Điều chỉnh và cập nhật danh sách cơ sở kinh tế của MSMIP
(5) Thiết kế lại phiếu điều tra và điều chỉnh tài liệu hướng dẫn của MSMIP
(6) Hướng dẫn điều tra viên và cơ sở kinh tế nằm trong các địa bàn mới được lựa chọn để điều tra.
(7) Xây dựng hệ thống công bố